



BGQD TMC ÁP DỤNG TỪ THÁNG 9 NĂM 2026 (BÁO GIÁ)

Hà nội, ngày ... tháng ... năm 2026

BÊN BÁN	BÊN MUA
CÔNG TY ĐIỆN - ĐIỆN TỬ 3C	
Địa chỉ:	
Tel/Fax/Email :	
MS thuế/ MS Doanh Nghiệp : 0101316049	
Tài khoản:	
Người đại diện:	

3CElectric xin cảm ơn sự quan tâm của Quý Khách đến sản phẩm của chúng tôi. Căn cứ trên hồ sơ kỹ thuật công trình nhận được, chúng tôi xin trân trọng gửi đến Quý Khách Báo Giá các sản phẩm yêu cầu

GBQD MÁNG CÁP SƠN TÍNH ĐIỆN 2026 (Áp dụng từ 260915)

TT	Hạng mục	Mã sản phẩm	ĐV Tính	SL (Chi tiết)	Số lượng tính	Đơn giá	Thành Tiền	Hãng SX/Bảo hành
I	MÁNG CÁP- VẬT THÉP SS400 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG, DÀY 0.8MM							
	Máng cáp 50x50 dày 0.8mm, sơn màu ghi sáng							
1	Máng cáp 50x50 dày 0.8	3C-M50x50-S0.8	m	1	1	61.921	61.920,80	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 50 dày 0.8	3C-NU50-S0.8	m	1	1	32.053	32.053,12	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 0.8	3C-LM50x50-S0.8	c	1	1	61.921	61.920,80	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 0.8	3C-LNU50-S0.8	c	1	1	32.053	32.053,12	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 0.8	3C-CLM50x50-S0.8	c	1	1	61.921	61.920,80	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 0.8	3C-CLNU50-S0.8	c	1	1	32.053	32.053,12	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 0.8	3C-CXM50x50-S0.8	c	1	1	61.921	61.920,80	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 0.8	3C-CXNU50-S0.8	c	1	1	32.053	32.053,12	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T 0.8	3C-TM50x50-S0.8	c	1	1	80.497	80.497,04	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 0.8	3C-TNU50-S0.8	c	1	1	41.669	41.669,06	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 0.8	3C-XM50x50-S0.8	c	1	1	92.881	92.881,20	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 0.8	3C-XNU50-S0.8	c	1	1	48.080	48.079,68	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 75x50 dày 0.8mm, sơn màu ghi sáng						-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 75x50 dày 0.8	3C-M75x50-S0.8	m	1	1	71.027	71.026,80	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 75 ZAM dày 0.8	3C-NU75-S0.8	m	1	1	38.245	38.245,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 0.8	3C-LM75x50-S0.8	c	1	1	71.027	71.026,80	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 0.8	3C-LNU75-S0.8	c	1	1	38.245	38.245,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 0.8	3C-CLM75x50-S0.8	c	1	1	71.027	71.026,80	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 0.8	3C-CLNU75-S0.8	c	1	1	38.245	38.245,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 0.8	3C-CXM75x50-S0.8	c	1	1	71.027	71.026,80	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 0.8	3C-CXNU75-S0.8	c	1	1	38.245	38.245,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 0.8	3C-TM75x50-S0.8	c	1	1	92.335	92.334,84	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 0.8	3C-TNU75-S0.8	c	1	1	49.719	49.718,76	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 0.8	3C-XM75x50-S0.8	c	1	1	106.540	106.540,20	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 0.8	3C-XNU75-S0.8	c	1	1	57.368	57.367,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 100x50 dày 0.8mm sơn màu ghi sáng				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 100x50 dày 0.8	3C-M100x50-S0.8	m	1	1	80.133	80.132,80	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 100 dày 0.8	3C-NU100-S0.8	m	1	1	47.351	47.351,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 0.8	3C-LM100x50-S0.8	c	1	1	80.133	80.132,80	3CElectric/2 năm

4	Nắp cút nối L dày 0.8	3C-LNU100-S0.8	c	1	1	47.351	47.351,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 0.8	3C-CLM100x50-S0.8	c	1	1	80.133	80.132,80	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 0.8	3C-CLNU100-S0.8	c	1	1	47.351	47.351,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 0.8	3C-CXM100x50-S0.8	c	1	1	80.133	80.132,80	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 0.8	3C-CXNU100-S0.8	c	1	1	47.351	47.351,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 0.8	3C-TM100x50-S0.8	c	1	1	104.173	104.172,64	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 0.8	3C-TNU100-S0.8	c	1	1	61.557	61.556,56	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 0.8	3C-XM100x50-S0.8	c	1	1	120.199	120.199,20	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 0.8	3C-XNU100-S0.8	c	1	1	71.027	71.026,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 100x75 dày 0.8mm sơn màu ghi sáng				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 100x75 dày 0.8	3C-M100x75-S0.8	m	1	1	98.345	98.344,80	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 100 dày 0.8	3C-NU100-S0.8	m	1	1	47.351	47.351,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 0.8	3C-LM100x75-S0.8	c	1	1	98.345	98.344,80	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 0.8	3C-LNU100-S0.8	c	1	1	47.351	47.351,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 0.8	3C-CLM100x75-S0.8	c	1	1	98.345	98.344,80	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 0.8	3C-CLNU100-S0.8	c	1	1	47.351	47.351,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 0.8	3C-CXM100x75-S0.8	c	1	1	98.345	98.344,80	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 0.8	3C-CXNU100-S0.8	c	1	1	47.351	47.351,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 0.8	3C-TM100x75-S0.8	c	1	1	127.848	127.848,24	3CElectric/2 năm
10	Nắp Tdày 0.8	3C-TNU100-S0.8	c	1	1	61.557	61.556,56	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 0.8	3C-XM100x75-S0.8	c	1	1	147.517	147.517,20	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 0.8	3C-XNU100-S0.8	c	1	1	71.027	71.026,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 100x100 dày 0.8mm, sơn màu ghi sáng				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 100x100 dày 0.8	3C-M100x100-S0.8	m	1	1	116.557	116.556,80	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 100 ZAM dày 0.8	3C-NU100-S0.8	m	1	1	47.351	47.351,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 0.8	3C-LM100x100-S0.8	c	1	1	116.557	116.556,80	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 0.8	3C-LNU100-S0.8	c	1	1	47.351	47.351,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 0.8	3C-CLM100x100-S0.8	c	1	1	116.557	116.556,80	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 0.8	3C-CLNU100-S0.8	c	1	1	47.351	47.351,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 0.8	3C-CXM100x100-S0.8	c	1	1	116.557	116.556,80	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 0.8	3C-CXNU100-S0.8	c	1	1	47.351	47.351,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 0.8	3C-TM100x100-S0.8	c	1	1	151.524	151.523,84	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 0.8	3C-TNU100-S0.8	c	1	1	61.557	61.556,56	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 0.8	3C-XM100x100-S0.8	c	1	1	174.835	174.835,20	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 0.8	3C-XNU100-S0.8	c	1	1	71.027	71.026,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 150x50 dày 0.8mm, sơn màu gi sáng, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 150x50 dày 0.8	3C-M150x50-S0.8	m	1	1	98.345	98.344,80	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 150 dày 0.8	3C-NU150-S0.8	m	1	1	65.563	65.563,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 0.8	3C-LM150x50-S0.8	c	1	1	98.345	98.344,80	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 0.8	3C-LNU150-S0.8	c	1	1	65.563	65.563,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 0.8	3C-CLM150x50-S0.8	c	1	1	98.345	98.344,80	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 0.8	3C-CLNU150-S0.8	c	1	1	65.563	65.563,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 0.8	3C-CXM150x50-S0.8	c	1	1	98.345	98.344,80	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 0.8	3C-CXNU150-S0.8	c	1	1	65.563	65.563,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 0.8	3C-TM150x50-S0.8	c	1	1	127.848	127.848,24	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 0.8	3C-TNU150-S0.8	c	1	1	85.232	85.232,16	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 0.8	3C-XM150x50-S0.8	c	1	1	147.517	147.517,20	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 0.8	3C-XNU150-S0.8	c	1	1	98.345	98.344,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 150x75 dày 0.8mm, sơn màu ghi sáng, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 150x75 dày 0.8	3C-M150x75-S0.8	m	1	1	116.557	116.556,80	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 150 dày 0.8	3C-NU150-S0.8	m	1	1	65.563	65.563,20	3CElectric/2 năm

3	Cút nối L (co ngang) dày 0.8	3C-LM150x75-S0.8	c	1	1	116.557	116.556,80	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 0.8	3C-LNU150-S0.8	c	1	1	65.563	65.563,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 0.8	3C-CLM150x75-S0.8	c	1	1	116.557	116.556,80	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 0.8	3C-CLNU150-S0.8	c	1	1	65.563	65.563,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 0.8	3C-CXM150x75-S0.8	c	1	1	116.557	116.556,80	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 0.8	3C-CXNU150-S0.8	c	1	1	65.563	65.563,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 0.8	3C-TM150x75-S0.8	c	1	1	151.524	151.523,84	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 0.8	3C-TNU150-S0.8	c	1	1	85.232	85.232,16	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 0.8	3C-XM150x75-S0.8	c	1	1	174.835	174.835,20	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 0.8	3C-XNU150-S0.8	c	1	1	98.345	98.344,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 150x100 dày 0.8mm, sơn màu ghi sáng, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 150x100 dày 0.8	3C-M150x100-S0.8	m	1	1	134.769	134.768,80	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 150 dày 0.8	3C-NU150-S0.8	m	1	1	65.563	65.563,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 0.8	3C-LM150x100-S0.8	c	1	1	134.769	134.768,80	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 0.8	3C-LNU150-S0.8	c	1	1	65.563	65.563,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 0.8	3C-CLM150x100-S0.8	c	1	1	134.769	134.768,80	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 0.8	3C-CLNU150-S0.8	c	1	1	65.563	65.563,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 0.8	3C-CXM150x100-S0.8	c	1	1	134.769	134.768,80	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 0.8	3C-CXNU150-S0.8	c	1	1	65.563	65.563,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 0.8	3C-TM150x100-S0.8	c	1	1	175.199	175.199,44	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 0.8	3C-TNU150-S0.8	c	1	1	85.232	85.232,16	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 0.8	3C-XM150x100-S0.8	c	1	1	202.153	202.153,20	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 0.8	3C-XNU150-S0.8	c	1	1	98.345	98.344,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 200x75 dày 0.8mm, sơn màu ghi sáng, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 200x75 dày 0.8	3C-M200x75-S0.8	m	1	1	134.769	134.768,80	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 200 dày 0.8	3C-NU200-S0.8	m	1	1	83.775	83.775,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 0.8	3C-LM200x75-S0.8	c	1	1	134.769	134.768,80	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 0.8	3C-LNU200-S0.8	c	1	1	83.775	83.775,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 0.8	3C-CLM200x75-S0.8	c	1	1	134.769	134.768,80	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 0.8	3C-CLNU200-S0.8	c	1	1	83.775	83.775,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 0.8	3C-CXM200x75-S0.8	c	1	1	134.769	134.768,80	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 0.8	3C-CXNU200-S0.8	c	1	1	83.775	83.775,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 0.8	3C-TM200x75-S0.8	c	1	1	175.199	175.199,44	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 0.8	3C-TNU200-S0.8	c	1	1	108.908	108.907,76	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 0.8	3C-XM200x75-S0.8	c	1	1	202.153	202.153,20	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 0.8	3C-XNU200-S0.8	c	1	1	125.663	125.662,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 200x100 dày 0.8mm, sơn màu ghi sáng cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 200x100 dày 0.8	3C-M200x100-S0.8	m	1	1	152.981	152.980,80	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 200 dày 0.8	3C-NU200-S0.8	m	1	1	83.775	83.775,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 0.8	3C-LM200x100-S0.8	c	1	1	152.981	152.980,80	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 0.8	3C-LNU200-ZS0.8	c	1	1	83.775	83.775,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 0.8	3C-CLM200x100-S0.8	c	1	1	152.981	152.980,80	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 0.8	3C-CLNU200-S0.8	c	1	1	83.775	83.775,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 0.8	3C-CXM200x100-S0.8	c	1	1	152.981	152.980,80	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 0.8	3C-CXNU200-S0.8	c	1	1	83.775	83.775,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 0.8	3C-TM200x100-S0.8	c	1	1	198.875	198.875,04	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 0.8	3C-TNU200-S0.8	c	1	1	108.908	108.907,76	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 0.8	3C-XM100x100-S0.8	c	1	1	229.471	229.471,20	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 0.8	3C-XNU200-S0.8	c	1	1	125.663	125.662,80	3CElectric/2 năm
II	MÁNG CÁP - VẬT LIỆU THÉP SS400 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG, DÀY 1.0MM				1		-	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 50x50 dày 1.0mm, sơn màu ghi sáng, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm

1	Máng cáp 50x50 dày 1.0	3C-M50x50-S1.0	m	1	1	75.556	75.556,25	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 50 dày 1.0	3C-NU50-S1.0	m	1	1	34.540	34.540,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM50x50-S1.0	c	1	1	75.556	75.556,25	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU50-S1.0	c	1	1	34.540	34.540,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM50x50-S1.0	c	1	1	75.556	75.556,25	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU50-S1.0	c	1	1	34.540	34.540,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM50x50-S1.0	c	1	1	75.556	75.556,25	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU50-S1.0	c	1	1	34.540	34.540,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM50x50-S1.0	c	1	1	98.223	98.223,13	3CElectric/2 năm
10	Nắp Tdày 1.0	3C-TNU50-S1.0	c	1	1	44.902	44.902,00	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM50x50-S1.0	c	1	1	113.334	113.334,38	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU50-S1.0	c	1	1	51.810	51.810,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 75x50 dày 1.0mm, sơn màu ghi sáng, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 75x50 dày 1.0	3C-M75x50-S1.0	m	1	1	86.350	86.350,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 75 dày 1.0	3C-NU75-S1.0	m	1	1	45.334	45.333,75	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM75x50-S1.0	c	1	1	86.350	86.350,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU75-S1.0	c	1	1	45.334	45.333,75	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM75x50-S1.0	c	1	1	86.350	86.350,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU75-S1.0	c	1	1	45.334	45.333,75	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM75x50-S1.0	c	1	1	86.350	86.350,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU75-S1.0	c	1	1	45.334	45.333,75	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM75x50-S1.0	c	1	1	112.255	112.255,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp Tdày 1.0	3C-TNU75-S1.0	c	1	1	58.934	58.933,88	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM75x50-S1.0	c	1	1	129.525	129.525,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU75-S1.0	c	1	1	68.001	68.000,63	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 100x50 dày 1.0mm, sơn màu ghi sáng, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 100x50 dày 1.0	3C-M100x50-S1.0	m	1	1	97.144	97.143,75	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 100 dày 1.0	3C-NU100-S1.0	m	1	1	56.128	56.127,50	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM100x50-S1.0	c	1	1	97.144	97.143,75	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU100-S1.0	c	1	1	56.128	56.127,50	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM100x50-S1.0	c	1	1	97.144	97.143,75	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU100-S1.0	c	1	1	56.128	56.127,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM100x50-S1.0	c	1	1	97.144	97.143,75	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU100-S1.0	c	1	1	56.128	56.127,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM100x50-S1.0	c	1	1	126.287	126.286,88	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU100-S1.0	c	1	1	72.966	72.965,75	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM100x50-S1.0	c	1	1	145.716	145.715,63	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU100-S1.0	c	1	1	84.191	84.191,25	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 100x75 dày 1.0mm, sơn màu ghi sáng, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 100x75 dày 1.0	3C-M100x75-S1.0	m	1	1	118.731	118.731,25	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 100 dày 1.0	3C-NU100-S1.0	m	1	1	56.128	56.127,50	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM100x75-S1.0	c	1	1	118.731	118.731,25	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU100-S1.0	c	1	1	56.128	56.127,50	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM100x75-S1.0	c	1	1	118.731	118.731,25	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU100-S1.0	c	1	1	56.128	56.127,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM100x75-S1.0	c	1	1	118.731	118.731,25	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU100-S1.0	c	1	1	56.128	56.127,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM100x75-S1.0	c	1	1	154.351	154.350,63	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU100-S1.0	c	1	1	72.966	72.965,75	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM100x75-S1.0	c	1	1	178.097	178.096,88	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU100-S1.0	c	1	1	84.191	84.191,25	3CElectric/2 năm

	Máng cáp 100x100 dày 1.0mm, sơn màu ghi sáng, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 100x100 dày 1.0	3C-M100x100-S1.0	m	1	1	140.319	140.318,75	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 100 dày 1.0	3C-NU100-S1.0	m	1	1	56.128	56.127,50	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM100x100-S1.0	c	1	1	140.319	140.318,75	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU100-S1.0	c	1	1	56.128	56.127,50	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM100x100-S1.0	c	1	1	140.319	140.318,75	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU100-S1.0	c	1	1	56.128	56.127,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM100x100-S1.0	c	1	1	140.319	140.318,75	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU100-S1.0	c	1	1	56.128	56.127,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM100x100-S1.0	c	1	1	182.414	182.414,38	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU100-S1.0	c	1	1	72.966	72.965,75	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM100x100-S1.0	c	1	1	210.478	210.478,13	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU100-S1.0	c	1	1	84.191	84.191,25	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 150x50 dày 1.0mm, sơn màu ghi sáng, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 150x50 dày 1.0	3C-M150x50-S1.0	m	1	1	118.731	118.731,25	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 150 dày 1.0	3C-NU150-S1.0	m	1	1	77.715	77.715,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM150x50-S1.0	c	1	1	118.731	118.731,25	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU150-S1.0	c	1	1	77.715	77.715,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM150x50-S1.0	c	1	1	118.731	118.731,25	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU150-S1.0	c	1	1	77.715	77.715,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM150x50-S1.0	c	1	1	118.731	118.731,25	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU150-S1.0	c	1	1	77.715	77.715,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM150x50-S1.0	c	1	1	154.351	154.350,63	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU150-S1.0	c	1	1	101.030	101.029,50	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM150x50-S1.0	c	1	1	178.097	178.096,88	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU150-S1.0	c	1	1	116.573	116.572,50	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 150x75 dày 1.0mm, sơn màu ghi sáng, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 150x75 dày 1.0	3C-M150x75-S1.0	m	1	1	140.319	140.318,75	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 150 dày 1.0	3C-NU150-S1.0	m	1	1	77.715	77.715,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM150x75-S1.0	c	1	1	140.319	140.318,75	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU150-S1.0	c	1	1	77.715	77.715,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM150x75-S1.0	c	1	1	140.319	140.318,75	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU150-S1.0	c	1	1	77.715	77.715,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM150x75-S1.0	c	1	1	140.319	140.318,75	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU150-S1.0	c	1	1	77.715	77.715,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM150x75-S1.0	c	1	1	182.414	182.414,38	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU150-S1.0	c	1	1	101.030	101.029,50	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM150x75-S1.0	c	1	1	210.478	210.478,13	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU150-S1.0	c	1	1	116.573	116.572,50	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 150x100 dày 1.0mm, sơn màu ghi sáng, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 150x100 dày 1.0	3C-M150x100-S1.0	m	1	1	161.906	161.906,25	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 150 dày 1.0	3C-NU150-S1.0	m	1	1	77.715	77.715,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM150x100-S1.0	c	1	1	161.906	161.906,25	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU150-S1.0	c	1	1	77.715	77.715,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM150x100-S1.0	c	1	1	161.906	161.906,25	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU150-S1.0	c	1	1	77.715	77.715,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM150x100-S1.0	c	1	1	161.906	161.906,25	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU150-S1.0	c	1	1	77.715	77.715,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM150x100-S1.0	c	1	1	210.478	210.478,13	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU150-S1.0	c	1	1	101.030	101.029,50	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM150x100-S1.0	c	1	1	242.859	242.859,38	3CElectric/2 năm

12	Nắp cắt nối X dày 1.0	3C-XNU150-S1.0	c	1	1	116.573	116.572,50	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 200x50 dày 1.0mm, sơn màu ghi sáng, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 200x50 dày 1.0	3C-M200x50-S1.0	m	1	1	140.319	140.318,75	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 200 dày 1.0	3C-NU200-S1.0	m	1	1	99.303	99.302,50	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM200x50-S1.0	c	1	1	140.319	140.318,75	3CElectric/2 năm
4	Nắp cắt nối L ngang dày 1.0	3C-LNU200-S1.0	c	1	1	99.303	99.302,50	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM200x50-S1.0	c	1	1	140.319	140.318,75	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU200-S1.0	c	1	1	99.303	99.302,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM200x50-S1.0	c	1	1	140.319	140.318,75	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU200-S1.0	c	1	1	99.303	99.302,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM200x50-S1.0	c	1	1	182.414	182.414,38	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU200-S1.0	c	1	1	129.093	129.093,25	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM200x50-S1.0	c	1	1	210.478	210.478,13	3CElectric/2 năm
12	Nắp cắt nối X dày 1.0	3C-XNU200-S1.0	c	1	1	148.954	148.953,75	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 200x75 dày 1.0mm, sơn màu ghi sáng, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 200x75 dày 1.0	3C-M200x75-S1.0	m	1	1	161.906	161.906,25	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 200 dày 1.0	3C-NU200-S1.0	m	1	1	99.303	99.302,50	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM200x75-S1.0	c	1	1	161.906	161.906,25	3CElectric/2 năm
4	Nắp cắt nối L ngang dày 1.0	3C-LNU200-S1.0	c	1	1	99.303	99.302,50	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM200x75-S1.0	c	1	1	161.906	161.906,25	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU200-S1.00	c	1	1	99.303	99.302,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM200x75-S1.0	c	1	1	161.906	161.906,25	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU200-S1.0	c	1	1	99.303	99.302,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM200x75-S1.0	c	1	1	210.478	210.478,13	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU200-S1.0	c	1	1	129.093	129.093,25	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM200x75-S1.0	c	1	1	242.859	242.859,38	3CElectric/2 năm
12	Nắp cắt nối X dày 1.0	3C-XNU200-S1.0	c	1	1	148.954	148.953,75	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 200x100 dày 1.0mm, sơn màu ghi sáng, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 200x100 dày 1.0	3C-M200x100-S1.0	m	1	1	183.494	183.493,75	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 200 dày 1.0	3C-NU200-S1.0	m	1	1	99.303	99.302,50	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM200x100-S1.0	c	1	1	183.494	183.493,75	3CElectric/2 năm
4	Nắp cắt nối L ngang dày 1.0	3C-LNU200-S1.0	c	1	1	99.303	99.302,50	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM200x100-S1.0	c	1	1	183.494	183.493,75	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU200-S1.0	c	1	1	99.303	99.302,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM200x100-S1.0	c	1	1	183.494	183.493,75	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU200-S1.0	c	1	1	99.303	99.302,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM200x100-S1.0	c	1	1	238.542	238.541,88	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU200-S1.0	c	1	1	129.093	129.093,25	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM200x100-S1.0	c	1	1	275.241	275.240,63	3CElectric/2 năm
12	Nắp cắt nối X dày 1.0	3C-XNU200-S1.0	c	1	1	148.954	148.953,75	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 250x50 dày 1.0mm, sơn màu ghi sáng, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 250x50 dày 1.0	3C-M250x50-S1.0	m	1	1	161.906	161.906,25	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 250 dày 1.0	3C-NU250-S1.0	m	1	1	120.890	120.890,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM250x50-S1.0	c	1	1	161.906	161.906,25	3CElectric/2 năm
4	Nắp cắt nối L ngang dày 1.0	3C-LNU250-S1.0	c	1	1	120.890	120.890,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM250x50-S1.0	c	1	1	161.906	161.906,25	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU250-S1.0	c	1	1	120.890	120.890,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM250x50-S1.0	c	1	1	161.906	161.906,25	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU250-S1.0	c	1	1	120.890	120.890,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM250x50-S1.0	c	1	1	210.478	210.478,13	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU250-S1.0	c	1	1	157.157	157.157,00	3CElectric/2 năm

11	Cút nối X dây 1.0	3C-XM250x50-S1.0	c	1	1	242.859	242.859,38	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dây 1.0	3C-XNU250-S1.00	c	1	1	181.335	181.335,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp sơn tĩnh điện 250x75, dày 1.0mm, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 250x75 dây 1.0	3C-M250x75-S1.0	m	1	1	183.494	183.493,75	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 250 dây 1.0	3C-NU250-S1.0	m	1	1	120.890	120.890,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 1.0	3C-LM250x75-S1.0	c	1	1	183.494	183.493,75	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dây 1.0	3C-LNU250-S1.0	c	1	1	120.890	120.890,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.0	3C-CLM250x75-S1.0	c	1	1	183.494	183.493,75	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dây 1.0	3C-CLNU250-S1.0	c	1	1	120.890	120.890,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.0	3C-CXM250x75-S1.0	c	1	1	183.494	183.493,75	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.0	3C-CXNU250-S1.0	c	1	1	120.890	120.890,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dây 1.0	3C-TM250x75-S1.0	c	1	1	238.542	238.541,88	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dây 1.0	3C-TNU250-S1.0	c	1	1	157.157	157.157,00	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dây 1.0	3C-XM250x75-S1.0	c	1	1	275.241	275.240,63	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dây 1.0	3C-XNU250-S1.0	c	1	1	181.335	181.335,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp sơn tĩnh điện 250x100, dày 1.0mm, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 250x100 dây 1.0	3C-M250x100-S1.0	m	1	1	205.081	205.081,25	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 250 dây 1.0	3C-NU250-S1.0	m	1	1	120.890	120.890,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 1.0	3C-LM250x100-S1.0	c	1	1	205.081	205.081,25	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dây 1.0	3C-LNU250-S1.0	c	1	1	120.890	120.890,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.0	3C-CLM250x100-S1.0	c	1	1	205.081	205.081,25	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dây 1.0	3C-CLNU250-S1.0	c	1	1	120.890	120.890,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.0	3C-CXM250x100-S1.0	c	1	1	205.081	205.081,25	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.0	3C-CXNU250-S1.0	c	1	1	120.890	120.890,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dây 1.0	3C-TM250x100-S1.0	c	1	1	266.606	266.605,63	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dây 1.0	3C-TNU250-S1.0	c	1	1	157.157	157.157,00	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dây 1.0	3C-XM250x100-S1.0	c	1	1	307.622	307.621,88	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dây 1.0	3C-XNU250-S1.0	c	1	1	181.335	181.335,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp sơn tĩnh điện 300x50, dày 1.0mm, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 300x50 dây 1.0	3C-M300x50-S1.0	m	1	1	183.494	183.493,75	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 300 dây 1.0	3C-NU300-S1.0	m	1	1	142.478	142.477,50	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 1.0	3C-LM300x50-S1.0	c	1	1	183.494	183.493,75	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dây 1.0	3C-LNU300-S1.0	c	1	1	142.478	142.477,50	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.0	3C-CLM300x50-S1.0	c	1	1	183.494	183.493,75	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dây 1.0	3C-CLNU300-S1.0	c	1	1	142.478	142.477,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.0	3C-CXM300x50-S1.0	c	1	1	183.494	183.493,75	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.0	3C-CXNU300-S1.0	c	1	1	142.478	142.477,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dây 1.0	3C-TM300x50-S1.0	c	1	1	238.542	238.541,88	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dây 1.0	3C-TNU300-S1.0	c	1	1	185.221	185.220,75	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dây 1.0	3C-XM300x50-S1.0	c	1	1	275.241	275.240,63	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dây 1.0	3C-XNU300-S1.0	c	1	1	213.716	213.716,25	3CElectric/2 năm
	Máng cáp sơn tĩnh điện 300x75, dày 1.0mm, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 300x75 dây 1.0	3C-M300x75-S1.0	m	1	1	205.081	205.081,25	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 300 dây 1.0	3C-NU300-S1.0	m	1	1	142.478	142.477,50	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 1.0	3C-LM300x75-S1.0	c	1	1	205.081	205.081,25	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dây 1.0	3C-LNU300-S1.0	c	1	1	142.478	142.477,50	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.0	3C-CLM300x75-S1.0	c	1	1	205.081	205.081,25	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dây 1.0	3C-CLNU300-S1.0	c	1	1	142.478	142.477,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.0	3C-CXM300x75-S1.0	c	1	1	205.081	205.081,25	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.0	3C-CXNU300-S1.0	c	1	1	142.478	142.477,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dây 1.0	3C-TM300x75-S1.0	c	1	1	266.606	266.605,63	3CElectric/2 năm

10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU300-S1.0	c	1	1	185.221	185.220,75	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM300x75-S1.0	c	1	1	307.622	307.621,88	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU300-S1.0	c	1	1	213.716	213.716,25	3CElectric/2 năm
	Máng cáp sơn tĩnh điện 300x100, dày 1.0mm, cây dài 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 300x100 dày 1.0	3C-M300x100-S1.0	m	1	1	226.669	226.668,75	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 300 dày 1.0	3C-NU300-S1.0	m	1	1	142.478	142.477,50	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.0	3C-LM300x100-S1.0	c	1	1	226.669	226.668,75	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.0	3C-LNU300-S1.0	c	1	1	142.478	142.477,50	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.0	3C-CLM300x100-S1.0	c	1	1	226.669	226.668,75	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.0	3C-CLNU300-S1.0	c	1	1	142.478	142.477,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.0	3C-CXM300x100-S1.0	c	1	1	226.669	226.668,75	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.0	3C-CXNU300-S1.0	c	1	1	142.478	142.477,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.0	3C-TM300x100-S1.0	c	1	1	294.669	294.669,38	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.0	3C-TNU300-S1.0	c	1	1	185.221	185.220,75	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.0	3C-XM300x100-S1.0	c	1	1	340.003	340.003,13	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.0	3C-XNU300-S1.0	c	1	1	213.716	213.716,25	3CElectric/2 năm
	III MÁNG CÁP - VẬT LIỆU SS400 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG, DÀY 1.2MM				1		-	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 100x50, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 100x50 dày 1.2	3C-M100x50-S1.2	m	1	1	110.214	110.214,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng cáp dày 1.2	3C-NU100-S1.2	m	1	1	63.679	63.679,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) sơn tĩnh điện dày 1.2	3C-LM100x50-S1.2	c	1	1	110.214	110.214,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang sơn tĩnh điện dày 1.2	3C-LNU100-S1.2	c	1	1	63.679	63.679,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM100x50-S1.2	c	1	1	110.214	110.214,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU100-S1.2	c	1	1	63.679	63.679,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM100x50-S1.2	c	1	1	110.214	110.214,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU100-S1.2	c	1	1	63.679	63.679,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T sơn tĩnh điện dày 1.2	3C-TM100x50-S1.2	c	1	1	143.278	143.278,20	3CElectric/2 năm
10	Nắp T sơn tĩnh điện dày 1.2	3C-TNU100-S1.2	c	1	1	82.783	82.782,96	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X sơn tĩnh điện dày 1.2	3C-XM100x50-S1.2	c	1	1	165.321	165.321,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X sơn tĩnh điện dày 1.2	3C-XNU100-S1.2	c	1	1	95.519	95.518,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 100x75, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 100x75 dày 1.2	3C-M100x75-S1.2	m	1	1	134.706	134.706,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 100 dày 1.2	3C-NU100S1.2	m	1	1	63.679	63.679,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) sơn tĩnh điện dày 1.2	3C-LM100x75-S1.2	c	1	1	134.706	134.706,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang sơn tĩnh điện dày 1.2	3C-LNU100-S1.2	c	1	1	63.679	63.679,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM100x75-S1.2	c	1	1	134.706	134.706,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU100-S1.2	c	1	1	63.679	63.679,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM100x75-S1.2	c	1	1	134.706	134.706,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU100-S1.2	c	1	1	63.679	63.679,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T sơn tĩnh điện dày 1.2	3C-TM100x75-S1.2	c	1	1	175.118	175.117,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T sơn tĩnh điện dày 1.2	3C-TNU100-S1.2	c	1	1	82.783	82.782,96	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X sơn tĩnh điện dày 1.2	3C-XM100x75-S1.2	c	1	1	202.059	202.059,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X sơn tĩnh điện dày 1.2	3C-XNU100-S1.2	c	1	1	95.519	95.518,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 100x100, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 100x100 dày 1.2	3C-M100x100-S1.2	m	1	1	159.198	159.198,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 100 dày 1.2	3C-NU100-S1.2	m	1	1	63.679	63.679,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM100x100-S1.2	c	1	1	159.198	159.198,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.2	3C-LNU100-S1.2	c	1	1	63.679	63.679,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM100x100-S1.2	c	1	1	159.198	159.198,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU100-S1.2	c	1	1	63.679	63.679,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM100x100-S1.2	c	1	1	159.198	159.198,00	3CElectric/2 năm

8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU100-S1.2	c	1	1	63.679	63.679,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T sơn tĩnh điện dày 1.2	3C-TM100x100-S1.2	c	1	1	206.957	206.957,40	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU100-S1.2	c	1	1	82.783	82.782,96	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM100x100-S1.2	c	1	1	238.797	238.797,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU100-S1.2	c	1	1	95.519	95.518,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 150x50, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 150x50 dày 1.2	3C-M150x50-S1.2	m	1	1	134.706	134.706,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 150 dày 1.2	3C-NU150-S1.2	m	1	1	88.171	88.171,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM150x50-S1.2	c	1	1	134.706	134.706,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L dày 1.2	3C-LNU150-S1.2	c	1	1	88.171	88.171,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM150x50-S1.2	c	1	1	134.706	134.706,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU150-S1.2	c	1	1	88.171	88.171,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM150x50-S1.2	c	1	1	134.706	134.706,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU150-S1.2	c	1	1	88.171	88.171,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM150x50-S1.2	c	1	1	175.118	175.117,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU150-S1.2	c	1	1	114.623	114.622,56	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM150x50-S1.2	c	1	1	202.059	202.059,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU150-S1.2	c	1	1	132.257	132.256,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 150x75, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 150x75 dày 1.2	3C-M150x75-S1.2	m	1	1	159.198	159.198,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 150 dày 1.2	3C-NU150-S1.2	m	1	1	88.171	88.171,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM150x75-S1.2	c	1	1	159.198	159.198,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L dày 1.2	3C-LNU150-S1.2	c	1	1	88.171	88.171,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM150x75-S1.2	c	1	1	159.198	159.198,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU150-S1.2	c	1	1	88.171	88.171,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM150x75-S1.2	c	1	1	159.198	159.198,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU150-S1.2	c	1	1	88.171	88.171,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM150x75-S1.2	c	1	1	206.957	206.957,40	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU150-S1.2	c	1	1	114.623	114.622,56	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM150x75-S1.2	c	1	1	238.797	238.797,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU150-S1.2	c	1	1	132.257	132.256,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 150x100, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 150x100 dày 1.2	3C-M150x100-S1.2	m	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 150 dày 1.2	3C-NU150-S1.2	m	1	1	88.171	88.171,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM150x100-S1.2	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.2	3C-LNU150-S1.2	c	1	1	88.171	88.171,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM150x100-S1.2	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU150-S1.2	c	1	1	88.171	88.171,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM150x100-S1.2	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU150-S1.2	c	1	1	88.171	88.171,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM150x100-S1.2	c	1	1	238.797	238.797,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU150-S1.2	c	1	1	114.623	114.622,56	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM150x100-S1.2	c	1	1	275.535	275.535,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU150-S1.2	c	1	1	132.257	132.256,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 200x50, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 200x50 dày 1.2	3C-M200x50-S1.2	m	1	1	159.198	159.198,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 200 dày 1.2	3C-NU200-S1.2	m	1	1	112.663	112.663,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM200x50-S1.2	c	1	1	159.198	159.198,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L dày 1.2	3C-LNU200-S1.2	c	1	1	112.663	112.663,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM200x50-S1.2	c	1	1	159.198	159.198,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU200-S1.2	c	1	1	112.663	112.663,20	3CElectric/2 năm

7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM200x50-S1.2	c	1	1	159.198	159.198,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU200-S1.2	c	1	1	112.663	112.663,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM200x50-S1.2	c	1	1	206.957	206.957,40	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU200-S1.2	c	1	1	146.462	146.462,16	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM200x50-S1.2	c	1	1	238.797	238.797,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU200-S1.2	c	1	1	168.995	168.994,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 200x75, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 200x75 dày 1.2	3C-M200x75-S1.2	m	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 200 dày 1.2	3C-NU200-S1.2	m	1	1	112.663	112.663,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM200x75-S1.2	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L dày 1.2	3C-LNU200-S1.2	c	1	1	112.663	112.663,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM200x75-S1.2	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU200-S1.2	c	1	1	112.663	112.663,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM200x75-S1.2	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU200-S1.2	c	1	1	112.663	112.663,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM200x75-S1.2	c	1	1	238.797	238.797,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU200-S1.2	c	1	1	146.462	146.462,16	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM200x75-S1.2	c	1	1	275.535	275.535,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU200-S1.2	c	1	1	168.995	168.994,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 200x1000, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 200x100 dày 1.2	3C-M200x100-S1.2	m	1	1	208.182	208.182,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 200 dày 1.2	3C-NU200-S1.2	m	1	1	112.663	112.663,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM200x100-S1.2	c	1	1	208.182	208.182,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L dày 1.2	3C-LNU200-S1.2	c	1	1	112.663	112.663,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM200x100-S1.2	c	1	1	208.182	208.182,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU200-S1.2	c	1	1	112.663	112.663,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM200x100-S1.2	c	1	1	208.182	208.182,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU200-S1.2	c	1	1	112.663	112.663,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM200x100-S1.2	c	1	1	270.637	270.636,60	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU200-S1.2	c	1	1	146.462	146.462,16	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM200x100-S1.2	c	1	1	312.273	312.273,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU200-S1.2	c	1	1	168.995	168.994,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 250x50, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 250x50 dày 1.2	3C-M250x50-S1.2	m	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 250 dày 1.2	3C-NU250-S1.2	m	1	1	137.155	137.155,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM250x50-S1.2	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L dày 1.2	3C-LNU250-S1.2	c	1	1	137.155	137.155,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM250x50-S1.2	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU250-S1.2	c	1	1	137.155	137.155,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM250x50-S1.2	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU250-S1.2	c	1	1	137.155	137.155,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM250x50-S1.2	c	1	1	238.797	238.797,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU250-S1.2	c	1	1	178.302	178.301,76	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM250x50-S1.2	c	1	1	275.535	275.535,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU250-S1.2	c	1	1	205.733	205.732,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 250x75, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 250x75 dày 1.2	3C-M250x75-S1.2	m	1	1	208.182	208.182,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 250 dày 1.2	3C-NU250-S1.2	m	1	1	137.155	137.155,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM250x75-S1.2	c	1	1	208.182	208.182,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L dày 1.2	3C-LNU250-S1.2	c	1	1	137.155	137.155,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM250x75-S1.2	c	1	1	208.182	208.182,00	3CElectric/2 năm

6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU250-S1.2	c	1	1	137.155	137.155,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM250x75-S1.2	c	1	1	208.182	208.182,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU250-S1.2	c	1	1	137.155	137.155,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T sơn tĩnh điện dày 1.2	3C-TM250x75-S1.2	c	1	1	270.637	270.636,60	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU250-S1.2	c	1	1	178.302	178.301,76	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM250x75-S1.2	c	1	1	312.273	312.273,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU250-S1.2	c	1	1	205.733	205.732,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 250x100, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 250x100 dày 1.2	3C-M250x100-S1.2	m	1	1	232.674	232.674,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 250 dày 1.2	3C-NU250-S1.2	m	1	1	137.155	137.155,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM250x100-S1.2	c	1	1	232.674	232.674,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L dày 1.2	3C-LNU250-S1.2	c	1	1	137.155	137.155,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM250x100-S1.2	c	1	1	232.674	232.674,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU250-S1.2	c	1	1	137.155	137.155,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM250x100-S1.2	c	1	1	232.674	232.674,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU250-S1.2	c	1	1	137.155	137.155,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM250x100-S1.2	c	1	1	302.476	302.476,20	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU250-S1.2	c	1	1	178.302	178.301,76	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM250x100-S1.2	c	1	1	349.011	349.011,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối dày 1.2	3C-XNU250-S1.2	c	1	1	205.733	205.732,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 300x50, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 300x50 dày 1.2	3C-M300x50-S1.2	m	1	1	208.182	208.182,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 300 dày 1.2	3C-NU300-S1.2	m	1	1	161.647	161.647,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM300x50-S1.2	c	1	1	208.182	208.182,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L dày 1.2	3C-LNU300-S1.2	c	1	1	161.647	161.647,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM300x50-S1.2	c	1	1	208.182	208.182,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU300-S1.2	c	1	1	161.647	161.647,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM300x50-S1.2	c	1	1	208.182	208.182,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU300-S1.2	c	1	1	161.647	161.647,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM300x50-S1.2	c	1	1	270.637	270.636,60	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU300-S1.2	c	1	1	210.141	210.141,36	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM300x50-S1.2	c	1	1	312.273	312.273,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU300-S1.2	c	1	1	242.471	242.470,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 300x75, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 300x75 dày 1.2	3C-M300x75-S1.2	m	1	1	232.674	232.674,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 300 dày 1.2	3C-NU300-S1.2	m	1	1	161.647	161.647,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM300x75-S1.2	c	1	1	232.674	232.674,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.2	3C-LNU300-S1.2	c	1	1	161.647	161.647,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM300x75-S1.2	c	1	1	232.674	232.674,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU300-S1.2	c	1	1	161.647	161.647,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM300x75-S1.2	c	1	1	232.674	232.674,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU300-S1.2	c	1	1	161.647	161.647,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM300x75-S1.2	c	1	1	302.476	302.476,20	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU300-S1.2	c	1	1	210.141	210.141,36	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM300x75-S1.2	c	1	1	349.011	349.011,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU300-S1.2	c	1	1	242.471	242.470,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 300x100, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 300x100 dày 1.2	3C-M300x100-S1.2	m	1	1	257.166	257.166,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 300 dày 1.2	3C-NU300-S1.2	m	1	1	161.647	161.647,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM300x100-S1.2	c	1	1	257.166	257.166,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.2	3C-LNU300-S1.2	c	1	1	161.647	161.647,20	3CElectric/2 năm

5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM300x100-S1.2	c	1	1	257.166	257.166,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU300-S1.2	c	1	1	161.647	161.647,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM300x100-S1.2	c	1	1	257.166	257.166,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU300-S1.2	c	1	1	161.647	161.647,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM300x100-S1.2	c	1	1	334.316	334.315,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU300-S1.2	c	1	1	210.141	210.141,36	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM300x100-S1.2	c	1	1	385.749	385.749,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU300-S1.2	c	1	1	242.471	242.470,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp350x50, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 350x50 dày 1.2	3C-M350x50-S1.2	m	1	1	232.674	232.674,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 350 dày 1.2	3C-NU350-S1.2	m	1	1	186.139	186.139,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM350x50-S1.2	c	1	1	232.674	232.674,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.2	3C-LNU350-S1.2	c	1	1	186.139	186.139,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM350x50-S1.2	c	1	1	232.674	232.674,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU350-S1.2	c	1	1	186.139	186.139,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM350x50-S1.2	c	1	1	232.674	232.674,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU350-S1.2	c	1	1	186.139	186.139,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM350x50-S1.2	c	1	1	302.476	302.476,20	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU350-S1.2	c	1	1	241.981	241.980,96	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM350x50-S1.2	c	1	1	349.011	349.011,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU350-S1.2	c	1	1	279.209	279.208,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 350x75, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 350x75 dày 1.2	3C-M350x75-S1.2	m	1	1	257.166	257.166,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 350 dày 1.2	3C-NU350-S1.2	m	1	1	186.139	186.139,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM350x75-S1.2	c	1	1	257.166	257.166,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.2	3C-LNU350-S1.2	c	1	1	186.139	186.139,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM350x75-S1.2	c	1	1	257.166	257.166,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU350-S1.2	c	1	1	186.139	186.139,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM350x75-S1.2	c	1	1	257.166	257.166,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU350-S1.2	c	1	1	186.139	186.139,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM350x75-S1.2	c	1	1	334.316	334.315,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU350-S1.2	c	1	1	241.981	241.980,96	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM350x75-S1.2	c	1	1	385.749	385.749,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU350-S1.2	c	1	1	279.209	279.208,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 350x100, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 350x100 dày 1.2	3C-M350x100-S1.2	m	1	1	281.658	281.658,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 350 dày 1.2	3C-NU350-S1.2	m	1	1	186.139	186.139,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM350x100-S1.2	c	1	1	281.658	281.658,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.2	3C-LNU350-S1.2	c	1	1	186.139	186.139,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.2	3C-CLM350x100-S1.2	c	1	1	281.658	281.658,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.2	3C-CLNU350-S1.2	c	1	1	186.139	186.139,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.2	3C-CXM350x100-S1.2	c	1	1	281.658	281.658,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.2	3C-CXNU350-S1.2	c	1	1	186.139	186.139,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.2	3C-TM350x100-S1.2	c	1	1	366.155	366.155,40	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.2	3C-TNU350-S1.2	c	1	1	241.981	241.980,96	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.2	3C-XM350x100-S1.2	c	1	1	422.487	422.487,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.2	3C-XNU350-S1.2	c	1	1	279.209	279.208,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 400x50, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 400x50 dày 1.2	3C-M400x50-S1.2	m	1	1	257.166	257.166,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 400 dày 1.2	3C-NU400-S1.2	m	1	1	210.631	210.631,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.2	3C-LM400S0-S1.2	c	1	1	257.166	257.166,00	3CElectric/2 năm

4	Nắp cắt nối L ngang dây 1.2	3C-LNU400-S1.2	c	1	1	210.631	210.631,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.2	3C-CLM400x50-S1.2	c	1	1	257.166	257.166,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dâyN dây 1.2	3C-CLNU400-S1.2	c	1	1	210.631	210.631,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.2	3C-CXM400x50-S1.2	c	1	1	257.166	257.166,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.2	3C-CXNU400-S1.2	c	1	1	210.631	210.631,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dây 1.2	3C-TM400x50-S1.2	c	1	1	334.316	334.315,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dây 1.2	3C-TNU400-S1.2	c	1	1	273.821	273.820,56	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dây 1.2	3C-XM400x50-S1.2	c	1	1	385.749	385.749,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cắt nối X dây 1.2	3C-XNU400-S1.2	c	1	1	315.947	315.946,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 400x75, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 400x75 dây 1.2	3C-M400x75-S1.2	m	1	1	281.658	281.658,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 400 dây 1.2	3C-NU400-S1.2	m	1	1	210.631	210.631,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 1.2	3C-LM400x75-S1.2	c	1	1	281.658	281.658,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cắt nối L ngang dây 1.2	3C-LNU400-S1.2	c	1	1	210.631	210.631,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.2	3C-CLM400x75-S1.2	c	1	1	281.658	281.658,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dâyN dây 1.2	3C-CLNU400-S1.2	c	1	1	210.631	210.631,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.2	3C-CXM400x75-S1.2	c	1	1	281.658	281.658,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.2	3C-CXNU400-S1.2	c	1	1	210.631	210.631,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dây 1.2	3C-TM400x75-S1.2	c	1	1	366.155	366.155,40	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dây 1.2	3C-TNU400-S1.2	c	1	1	273.821	273.820,56	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dây 1.2	3C-XM400x75-S1.2	c	1	1	422.487	422.487,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cắt nối X dây 1.2	3C-XNU400-S1.2	c	1	1	315.947	315.946,80	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 400x100, sơn tĩnh điện, dày 1.2mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 400x100 dây 1.2	3C-M400x100-S1.2	m	1	1	306.150	306.150,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 400 dây 1.2	3C-NU400-S1.2	m	1	1	210.631	210.631,20	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 1.2	3C-LM400x100-S1.2	c	1	1	306.150	306.150,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cắt nối L ngang dây 1.2	3C-LNU400-S1.2	c	1	1	210.631	210.631,20	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.2	3C-CLM400x100-S1.2	c	1	1	306.150	306.150,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dâyN dây 1.2	3C-CLNU400-S1.2	c	1	1	210.631	210.631,20	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.2	3C-CXM400x100-S1.2	c	1	1	306.150	306.150,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.2	3C-CXNU400-S1.2	c	1	1	210.631	210.631,20	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dây 1.2	3C-TM400x100-S1.2	c	1	1	397.995	397.995,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dây 1.2	3C-TNU400-S1.2	c	1	1	273.821	273.820,56	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dây 1.2	3C-XM400x100-S1.2	c	1	1	459.225	459.225,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cắt nối X dây 1.2	3C-XNU400-S1.2	c	1	1	315.947	315.946,80	3CElectric/2 năm
IV	MÁNG CÁP - SƠN TĨNH ĐIỆN, DÀY 1.5MM				1		-	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 100x50 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 100x50 dây 1.5	3C-M100x50-S1.5	m	1	1	127.170	127.170,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 100 dây 1.5	3C-NU100-S1.5	m	1	1	73.476	73.476,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 1.5	3C-LM100x50-S1.5	c	1	1	127.170	127.170,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cắt nối L ngang dây 1.5	3C-LNU100-S1.5	c	1	1	73.476	73.476,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.5	3C-CLM100x50-S1.5	c	1	1	127.170	127.170,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dâyN dây 1.5	3C-CLNU100-S1.5	c	1	1	73.476	73.476,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.5	3C-CXM100x50-S1.5	c	1	1	127.170	127.170,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.5	3C-CXNU100-S1.5	c	1	1	73.476	73.476,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dây 1.5	3C-TM100x50-S1.5	c	1	1	165.321	165.321,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dây 1.5	3C-TNU100-S1.5	c	1	1	95.519	95.518,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dây 1.5	3C-XM100x50-S1.5	c	1	1	190.755	190.755,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cắt nối X dây 1.5	3C-XNU100-S1.5	c	1	1	110.214	110.214,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 100x75 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 100x75 dây 1.5	3C-M100x75-S1.5	m	1	1	155.430	155.430,00	3CElectric/2 năm

2	Nắp máng 100 dây 1.5	3C-NU100-S1.5	m	1	1	73.476	73.476,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang dây 1.5	3C-LM100x75-S1.5	c	1	1	155.430	155.430,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dây 1.5	3C-LNU100-S1.5	c	1	1	73.476	73.476,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.5	3C-CLM100x75-S1.5	c	1	1	155.430	155.430,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dâyN dây 1.5	3C-CLNU100-S1.5	c	1	1	73.476	73.476,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.5	3C-CXM100x75-S1.5	c	1	1	155.430	155.430,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.5	3C-CXNU100-S1.5	c	1	1	73.476	73.476,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dây 1.5	3C-TM100x75-S1.5	c	1	1	202.059	202.059,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dây 1.5	3C-TNU100-S1.5	c	1	1	95.519	95.518,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dây 1.5	3C-XM100x75-S1.5	c	1	1	233.145	233.145,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dây 1.5	3C-XNU100-S1.5	c	1	1	110.214	110.214,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 100x100 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 100x100 dây 1.5	3C-M100x100-S1.5	m	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 100 dây 1.5	3C-NU100-S1.5	m	1	1	73.476	73.476,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 1.5	3C-LM100x100-S1.5	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L dây 1.5	3C-LNU100-S1.5	c	1	1	73.476	73.476,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.5	3C-CLM100x100-S1.5	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dâyN dây 1.5	3C-CLNU100-S1.5	c	1	1	73.476	73.476,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.5	3C-CXM100x100-S1.5	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.5	3C-CXNU100-S1.5	c	1	1	73.476	73.476,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dây 1.5	3C-TM100x100-S1.5	c	1	1	238.797	238.797,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dây 1.5	3C-TNU100-S1.5	c	1	1	95.519	95.518,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dây 1.5	3C-XM100x100-S1.5	c	1	1	275.535	275.535,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dây 1.5	3C-XNU100-S1.5	c	1	1	110.214	110.214,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 150x50 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 150x50 dây 1.5	3C-M150x50-S1.5	m	1	1	155.430	155.430,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 150 dây 1.5	3C-NU150-S1.5	m	1	1	101.736	101.736,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang dây 1.5	3C-LM150x50-S1.5	c	1	1	155.430	155.430,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dây 1.5	3C-LNU150-S1.5	c	1	1	101.736	101.736,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.5	3C-CLM150x50-S1.5	c	1	1	155.430	155.430,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dâyN dây 1.5	3C-CLNU150-S1.5	c	1	1	101.736	101.736,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.5	3C-CXM150x50-S1.5	c	1	1	155.430	155.430,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.5	3C-CXNU150-S1.5	c	1	1	101.736	101.736,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dây 1.5	3C-TM150x50-S1.5	c	1	1	202.059	202.059,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dây 1.5	3C-TNU150-S1.5	c	1	1	132.257	132.256,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dây 1.5	3C-XM150x50-S1.5	c	1	1	233.145	233.145,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dây 1.5	3C-XNU150-S1.5	c	1	1	152.604	152.604,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 150x75 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 150x75 dây 1.5	3C-M150x75-S1.5	m	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng150 dây 1.5	3C-NU150-S1.5	m	1	1	101.736	101.736,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dây 1.5	3C-LM150x75-S1.5	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dây 1.5	3C-LNU150-S1.5	c	1	1	101.736	101.736,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dây 1.5	3C-CLM150x75-S1.5	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dâyN dây 1.5	3C-CLNU150-S1.5	c	1	1	101.736	101.736,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dây 1.5	3C-CXM150x75-S1.5	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dây 1.5	3C-CXNU150-S1.5	c	1	1	101.736	101.736,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dây 1.5	3C-TM150x75-S1.5	c	1	1	238.797	238.797,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dây 1.5	3C-TNU150-S1.5	c	1	1	132.257	132.256,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dây 1.5	3C-XM150x75-S1.5	c	1	1	275.535	275.535,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dây 1.5	3C-XNU150-S1.5	c	1	1	152.604	152.604,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 150x100 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm

1	Máng cáp 150x100 dày 1.5	3C-M150x100-S1.5	m	1	1	211.950	211.950,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 150 dày 1.5	3C-NU150-S1.5	m	1	1	101.736	101.736,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM150x100-S1.5	c	1	1	211.950	211.950,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU150-S1.5	c	1	1	101.736	101.736,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM150x100-S1.5	c	1	1	211.950	211.950,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU150-S1.5	c	1	1	101.736	101.736,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM150x100-S1.5	c	1	1	211.950	211.950,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU150-S1.5	c	1	1	101.736	101.736,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM150x100-S1.5	c	1	1	275.535	275.535,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU150-S1.5	c	1	1	132.257	132.256,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM150x100-S1.5	c	1	1	317.925	317.925,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU150-S1.5	c	1	1	152.604	152.604,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 200x50 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 200x50 dày 1.5	3C-M200x50-S1.5	m	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 200 dày 1.5	3C-NU200-S1.5	m	1	1	129.996	129.996,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM200x50-S1.5	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU200-S1.5	c	1	1	129.996	129.996,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM200x50-S1.5	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU200-S1.5	c	1	1	129.996	129.996,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM200x50-S1.5	c	1	1	183.690	183.690,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU200-S1.5	c	1	1	129.996	129.996,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM200x50-S1.5	c	1	1	238.797	238.797,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU200-S1.5	c	1	1	168.995	168.994,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM200x50-S1.5	c	1	1	275.535	275.535,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU200-S1.5	c	1	1	194.994	194.994,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 200x75 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 200x75 dày 1.5	3C-M200x75-S1.5	m	1	1	211.950	211.950,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 200 dày 1.5	3C-NU200-S1.5	m	1	1	129.996	129.996,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM200x75-S1.5	c	1	1	211.950	211.950,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU200-S1.5	c	1	1	129.996	129.996,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM200x75-S1.5	c	1	1	211.950	211.950,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU200-S1.5	c	1	1	129.996	129.996,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM200x75-S1.5	c	1	1	211.950	211.950,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU200-S1.5	c	1	1	129.996	129.996,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM200x75-S1.5	c	1	1	275.535	275.535,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU200-S1.5	c	1	1	168.995	168.994,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM200x75-S1.5	c	1	1	317.925	317.925,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU200-S1.5	c	1	1	194.994	194.994,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 200x100 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 200x100 dày 1.5	3C-M200x100-S1.5	m	1	1	240.210	240.210,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 200 dày 1.5	3C-NU200-S1.5	m	1	1	129.996	129.996,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM200x100-S1.5	c	1	1	240.210	240.210,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU200-S1.5	c	1	1	129.996	129.996,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM200x100-S1.5	c	1	1	240.210	240.210,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU200-S1.5	c	1	1	129.996	129.996,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM200x100-S1.5	c	1	1	240.210	240.210,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU200-S1.5	c	1	1	129.996	129.996,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM200x100-S1.5	c	1	1	312.273	312.273,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU200-S1.5	c	1	1	168.995	168.994,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM200x100-S1.5	c	1	1	360.315	360.315,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU200-S1.5	c	1	1	194.994	194.994,00	3CElectric/2 năm

	Máng cáp 250x50 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1			-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 250x50 dày 1.5	3C-M250x50-S1.5	m	1	1	211.950	211.950,00	3CElectric/2 năm	
2	Nắp máng 250 dày 1.5	3C-NU250-S1.5	m	1	1	158.256	158.256,00	3CElectric/2 năm	
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM250x50-S1.5	c	1	1	211.950	211.950,00	3CElectric/2 năm	
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU250-S1.5	c	1	1	158.256	158.256,00	3CElectric/2 năm	
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM250x50-S1.5	c	1	1	211.950	211.950,00	3CElectric/2 năm	
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU250-S1.5	c	1	1	158.256	158.256,00	3CElectric/2 năm	
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM250x50-S1.5	c	1	1	211.950	211.950,00	3CElectric/2 năm	
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU250-S1.5	c	1	1	158.256	158.256,00	3CElectric/2 năm	
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM250x50-S1.5	c	1	1	275.535	275.535,00	3CElectric/2 năm	
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU250-S1.5	c	1	1	205.733	205.732,80	3CElectric/2 năm	
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM250x50-S1.5	c	1	1	317.925	317.925,00	3CElectric/2 năm	
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU250-S1.5	c	1	1	237.384	237.384,00	3CElectric/2 năm	
	Máng cáp 250x75 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1			-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 250x75 dày 1.5	3C-M250x75-S1.5	m	1	1	240.210	240.210,00	3CElectric/2 năm	
2	Nắp máng 250 dày 1.5	3C-NU250-S1.5	m	1	1	158.256	158.256,00	3CElectric/2 năm	
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM250x75-S1.5	c	1	1	240.210	240.210,00	3CElectric/2 năm	
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU250-S1.5	c	1	1	158.256	158.256,00	3CElectric/2 năm	
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM250x75-S1.5	c	1	1	240.210	240.210,00	3CElectric/2 năm	
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU250-S1.5	c	1	1	158.256	158.256,00	3CElectric/2 năm	
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM250x75-S1.5	c	1	1	240.210	240.210,00	3CElectric/2 năm	
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU250-S1.5	c	1	1	158.256	158.256,00	3CElectric/2 năm	
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM250x75-S1.5	c	1	1	312.273	312.273,00	3CElectric/2 năm	
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU250-S1.5	c	1	1	205.733	205.732,80	3CElectric/2 năm	
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM250x75-S1.5	c	1	1	360.315	360.315,00	3CElectric/2 năm	
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU250-S1.5	c	1	1	237.384	237.384,00	3CElectric/2 năm	
	Máng cáp 250x100 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1			-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 250x100 dày 1.5	3C-M250x100-S1.5	m	1	1	268.470	268.470,00	3CElectric/2 năm	
2	Nắp máng 250 dày 1.5	3C-NU250-S1.5	m	1	1	158.256	158.256,00	3CElectric/2 năm	
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM250x100-S1.5	c	1	1	268.470	268.470,00	3CElectric/2 năm	
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU250-S1.5	c	1	1	158.256	158.256,00	3CElectric/2 năm	
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM250x100-S1.5	c	1	1	268.470	268.470,00	3CElectric/2 năm	
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU250-S1.5	c	1	1	158.256	158.256,00	3CElectric/2 năm	
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM250x100-S1.5	c	1	1	268.470	268.470,00	3CElectric/2 năm	
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU250-S1.5	c	1	1	158.256	158.256,00	3CElectric/2 năm	
9	Cút nối T 1.5	3C-TM250x100-S1.5	c	1	1	349.011	349.011,00	3CElectric/2 năm	
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU250-S1.5	c	1	1	205.733	205.732,80	3CElectric/2 năm	
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM250x100-S1.5	c	1	1	402.705	402.705,00	3CElectric/2 năm	
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU250-S1.5	c	1	1	237.384	237.384,00	3CElectric/2 năm	
	Máng cáp 300x50 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1			-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 300x50 dày 1.5	3C-M300x50-S1.5	m	1	1	240.210	240.210,00	3CElectric/2 năm	
2	Nắp máng 300 dày 1.5	3C-NU300-S1.5	m	1	1	186.516	186.516,00	3CElectric/2 năm	
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM300x50-S1.5	c	1	1	240.210	240.210,00	3CElectric/2 năm	
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU300-S1.5	c	1	1	186.516	186.516,00	3CElectric/2 năm	
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM300x50-S1.5	c	1	1	240.210	240.210,00	3CElectric/2 năm	
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU300-S1.5	c	1	1	186.516	186.516,00	3CElectric/2 năm	
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM300x50-S1.5	c	1	1	240.210	240.210,00	3CElectric/2 năm	
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU300-S1.5	c	1	1	186.516	186.516,00	3CElectric/2 năm	
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM300x50-S1.5	c	1	1	312.273	312.273,00	3CElectric/2 năm	
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU300-S1.5	c	1	1	242.471	242.470,80	3CElectric/2 năm	
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM300x50-S1.5	c	1	1	360.315	360.315,00	3CElectric/2 năm	

12	Nắp cắt nối X dây 1.5	3C-XNU300-S1.5	c	1	1	279.774	279.774,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 300x75 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 300x75 dày 1.5	3C-M300x75-S1.5	m	1	1	268.470	268.470,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 300 dày 1.5	3C-NU300-S1.5	m	1	1	186.516	186.516,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang dây 1.5	3C-LM300x75-S1.5	c	1	1	268.470	268.470,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cắt nối L ngang dây 1.5	3C-LNU300-S1.5	c	1	1	186.516	186.516,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM300x75-S1.5	c	1	1	268.470	268.470,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU300-S1.5	c	1	1	186.516	186.516,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM300x75-S1.5	c	1	1	268.470	268.470,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU300-S1.5	c	1	1	186.516	186.516,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM300x75-S1.5	c	1	1	349.011	349.011,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU300-S1.5	c	1	1	242.471	242.470,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM300x75-S1.5	c	1	1	402.705	402.705,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cắt nối X dày 1.5	3C-XNU300-S1.5	c	1	1	279.774	279.774,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 300x100 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 300x100 dày 1.5	3C-M300x100-S1.5	m	1	1	296.730	296.730,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 300 dày 1.5	3C-NU300-S1.5	m	1	1	186.516	186.516,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM300x100-S1.5	c	1	1	296.730	296.730,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cắt nối L ngan dày 1.5	3C-LNU300-S1.5	c	1	1	186.516	186.516,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM300x100-S1.5	c	1	1	296.730	296.730,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU300-S1.5	c	1	1	186.516	186.516,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM300x100-S1.5	c	1	1	296.730	296.730,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU300-S1.5	c	1	1	186.516	186.516,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM300x100-S1.5	c	1	1	385.749	385.749,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU300-S1.5	c	1	1	242.471	242.470,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM300x100-S1.5	c	1	1	445.095	445.095,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cắt nối X dày 1.5	3C-XNU300-S1.5	c	1	1	279.774	279.774,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 350x75 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 350x75 dày 1.5	3C-M350x75-S1.5	m	1	1	296.730	296.730,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng350 dày 1.5	3C-NU350-S1.5	m	1	1	214.776	214.776,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang)dày 1.5	3C-LM350x75-S1.5	c	1	1	296.730	296.730,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cắt nối L ngang dây 1.5	3C-LNU350-S1.5	c	1	1	214.776	214.776,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM350x75-S1.5	c	1	1	296.730	296.730,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU350-S1.5	c	1	1	214.776	214.776,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM350x75-S1.5	c	1	1	296.730	296.730,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU350-S1.5	c	1	1	214.776	214.776,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM350x75-S1.5	c	1	1	385.749	385.749,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU350-S1.5	c	1	1	279.209	279.208,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM350x75-S1.5	c	1	1	445.095	445.095,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cắt nối X dày 1.5	3C-XNU350-S1.5	c	1	1	322.164	322.164,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 350x100 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 350x100 dày 1.5	3C-M350x100-S1.5	m	1	1	324.990	324.990,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng350 dày 1.5	3C-NU350-S1.5	m	1	1	214.776	214.776,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM350x100-S1.5	c	1	1	324.990	324.990,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cắt nối L ngang dày 1.5	3C-LNU350-S1.5	c	1	1	214.776	214.776,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM350x100-S1.5	c	1	1	324.990	324.990,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU350-S1.5	c	1	1	214.776	214.776,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM350x100-S1.5	c	1	1	324.990	324.990,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU350-S1.5	c	1	1	214.776	214.776,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM350x100-S1.5	c	1	1	422.487	422.487,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU350-S1.5	c	1	1	279.209	279.208,80	3CElectric/2 năm

11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM350x100-S1.5	c	1	1	487.485	487.485,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU350-S1.5	c	1	1	322.164	322.164,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 400x75 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 400x75 dày 1.5	3C-M400x75-S1.5	m	1	1	324.990	324.990,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 400 dày 1.5	3C-NU400-S1.5	m	1	1	243.036	243.036,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM400x75-S1.5	c	1	1	324.990	324.990,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU400-S1.5	c	1	1	243.036	243.036,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM400x75-S1.5	c	1	1	324.990	324.990,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU400-S1.5	c	1	1	243.036	243.036,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM400x75-S1.5	c	1	1	324.990	324.990,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU400-S1.5	c	1	1	243.036	243.036,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM400x75-S1.5	c	1	1	422.487	422.487,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU400-S1.5	c	1	1	315.947	315.946,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM400x75-S1.5	c	1	1	487.485	487.485,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU400-S1.5	c	1	1	364.554	364.554,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 400x100 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 400x100 dày 1.5	3C-M400x100-S1.5	m	1	1	353.250	353.250,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 400 dày 1.5	3C-NU400-S1.5	m	1	1	243.036	243.036,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM400x100-S1.5	c	1	1	353.250	353.250,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU400-S1.5	c	1	1	243.036	243.036,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM400x100-S1.5	c	1	1	353.250	353.250,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU400-S1.5	c	1	1	243.036	243.036,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM400x100-S1.5	c	1	1	353.250	353.250,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU400-S1.5	c	1	1	243.036	243.036,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM400x100-S1.5	c	1	1	459.225	459.225,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU400-S1.5	c	1	1	315.947	315.946,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM400x100-S1.5	c	1	1	529.875	529.875,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU400-S1.5	c	1	1	364.554	364.554,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 450x75 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 450x75 dày 1.5	3C-M450x75-S1.5	m	1	1	353.250	353.250,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 450 dày 1.5	3C-NU450-S1.5	m	1	1	271.296	271.296,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM450x75-S1.5	c	1	1	353.250	353.250,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU450-S1.5	c	1	1	271.296	271.296,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM450x75-S1.5	c	1	1	353.250	353.250,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU450-S1.5	c	1	1	271.296	271.296,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM450x75-S1.5	c	1	1	353.250	353.250,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU450-S1.5	c	1	1	271.296	271.296,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM450x75-S1.5	c	1	1	459.225	459.225,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU450-S1.5	c	1	1	352.685	352.684,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM450x75-S1.5	c	1	1	529.875	529.875,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU450-S1.5	c	1	1	406.944	406.944,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 450x100 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 450x100 dày 1.5	3C-M450x100-S1.5	m	1	1	381.510	381.510,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 450 dày 1.5	3C-NU450-S1.5	m	1	1	271.296	271.296,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM450x100-S1.5	c	1	1	381.510	381.510,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU450-S1.5	c	1	1	271.296	271.296,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM450x100-S1.5	c	1	1	381.510	381.510,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU450-S1.5	c	1	1	271.296	271.296,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM450x100-S1.5	c	1	1	381.510	381.510,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU450-S1.5	c	1	1	271.296	271.296,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM450x100-S1.5	c	1	1	495.963	495.963,00	3CElectric/2 năm

10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU450-S1.5	c	1	1	352.685	352.684,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM450x100-S1.5	c	1	1	572.265	572.265,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU450-S1.5	c	1	1	406.944	406.944,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 500x100 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 500x100 dày 1.5	3C-M500x100-S1.5	m	1	1	409.770	409.770,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 500 dày 1.5	3C-NU500-S1.5	m	1	1	299.556	299.556,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM500x100-S1.5	c	1	1	409.770	409.770,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU500-S1.5	c	1	1	299.556	299.556,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM500x100-S1.5	c	1	1	409.770	409.770,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU500-S1.5	c	1	1	299.556	299.556,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM500x100-S1.5	c	1	1	409.770	409.770,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU500-S1.5	c	1	1	299.556	299.556,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM500x100-S1.5	c	1	1	532.701	532.701,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU500-S1.5	c	1	1	389.423	389.422,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM500x100-S1.5	c	1	1	614.655	614.655,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU500-S1.5	c	1	1	449.334	449.334,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 600x100 sơn tĩnh điện , dày 1.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 600x100 dày 1.5	3C-M600x100-S1.5	m	1	1	466.290	466.290,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 600 dày 1.5 (Cổ tăng cứng)	3C-NU600-S1.5	m	1	1	373.880	373.879,80	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 1.5	3C-LM600x100-S1.5	c	1	1	466.290	466.290,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 1.5	3C-LNU600-S1.5	c	1	1	373.880	373.879,80	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 1.5	3C-CLM600x100-S1.5	c	1	1	466.290	466.290,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 1.5	3C-CLNU600-S1.5	c	1	1	373.880	373.879,80	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 1.5	3C-CXM600x100-S1.5	c	1	1	466.290	466.290,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 1.5	3C-CXNU600-S1.5	c	1	1	373.880	373.879,80	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 1.5	3C-TM600x100-S1.5	c	1	1	606.177	606.177,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 1.5	3C-TNU600-S1.5	c	1	1	486.044	486.043,74	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 1.5	3C-XM600x100-S1.5	c	1	1	699.435	699.435,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 1.5	3C-XNU600-S1.5	c	1	1	560.820	560.819,70	3CElectric/2 năm
IV	MÁNG CÁP - SƠN TĨNH ĐIỆN, DÀY 2.0MM				1		-	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 200x75 sơn tĩnh điện , dày 2.0mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 200x75 dày 2.0	3C-M200x75-S2.0	m	1	1	274.436	274.436,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 200 dày 2.0	3C-NU200-S2.0	m	1	1	166.106	166.106,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM200x75-S2.0	c	1	1	274.436	274.436,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU200-S2.0	c	1	1	166.106	166.106,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM200x75-S2.0	c	1	1	274.436	274.436,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU200-S2.0	c	1	1	166.106	166.106,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM200x75-S2.0	c	1	1	274.436	274.436,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU200-S2.0	c	1	1	166.106	166.106,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM200x75-S2.0	c	1	1	356.767	356.766,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU200-S2.0	c	1	1	215.938	215.937,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM200x75-S2.0	c	1	1	411.654	411.654,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU200-S2.0	c	1	1	249.159	249.159,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 200x100 sơn tĩnh điện , dày 2.0mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 200x100 dày 2.0	3C-M200x100-S2.0	m	1	1	310.546	310.546,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 200 dày 2.0	3C-NU200-S2.0	m	1	1	166.106	166.106,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM200x100-S2.0	c	1	1	310.546	310.546,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU200-S2.0	c	1	1	166.106	166.106,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM200x100-S2.0	c	1	1	310.546	310.546,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU200-S2.0	c	1	1	166.106	166.106,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM200x100-S2.0	c	1	1	310.546	310.546,00	3CElectric/2 năm

8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU200-S2.0	c	1	1	166.106	166.106,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM200x100-S2.0	c	1	1	403.710	403.709,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU200-S2.0	c	1	1	215.938	215.937,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM200x100-S2.0	c	1	1	465.819	465.819,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU200-S2.0	c	1	1	249.159	249.159,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 250x100 sơn tĩnh điện , dày 2.0mm, cây 3m			1			-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 250x100 dày 2.0	3C-M250x100-S2.0	m	1	1	346.656	346.656,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 250 dày 2.0	3C-NU250-S2.0	m	1	1	202.216	202.216,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM250x100-S2.0	c	1	1	346.656	346.656,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU250-S2.0	c	1	1	202.216	202.216,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM250x100-S2.0	c	1	1	346.656	346.656,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU250-S2.0	c	1	1	202.216	202.216,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM250x100-S2.0	c	1	1	346.656	346.656,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU250-S2.0	c	1	1	202.216	202.216,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM250x100-S2.0	c	1	1	450.653	450.652,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU250-S2.0	c	1	1	262.881	262.880,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM250x100-S2.0	c	1	1	519.984	519.984,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU250-S2.0	c	1	1	303.324	303.324,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 300x100 sơn tĩnh điện , dày 2.0mm, cây 3m			1			-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 300x100 dày 2.0	3C-M300x100-S2.0	m	1	1	382.766	382.766,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 300 dày 2.0	3C-NU300-S2.0	m	1	1	238.326	238.326,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM300x100-S2.0	c	1	1	382.766	382.766,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU300-S2.0	c	1	1	238.326	238.326,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM300x100-S2.0	c	1	1	382.766	382.766,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU300-S2.0	c	1	1	238.326	238.326,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM300x100-S2.0	c	1	1	382.766	382.766,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU300-S2.0	c	1	1	238.326	238.326,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM300x100-S2.0	c	1	1	497.596	497.595,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU300-S2.0	c	1	1	309.824	309.823,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM300x100-S2.0	c	1	1	574.149	574.149,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU300-S2.0	c	1	1	357.489	357.489,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 350x100 sơn tĩnh điện , dày 2.0mm, cây 3m			1			-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 350x100 dày 2.0	3C-M350x100-S2.0	m	1	1	418.876	418.876,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 350 dày 2.0	3C-NU350-S2.0	m	1	1	278.047	278.047,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM350x100-S2.0	c	1	1	418.876	418.876,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU350-S2.0	c	1	1	278.047	278.047,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM350x100-S2.0	c	1	1	418.876	418.876,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU350-S2.0	c	1	1	278.047	278.047,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM350x100-S2.0	c	1	1	418.876	418.876,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU350-S2.0	c	1	1	278.047	278.047,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM350x100-S2.0	c	1	1	544.539	544.538,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU350-S2.0	c	1	1	361.461	361.461,10	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM350x100-S2.0	c	1	1	628.314	628.314,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU350-S2.0	c	1	1	417.071	417.070,50	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 400x100 sơn tĩnh điện , dày 2.0mm, cây 3m			1			-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 400x100 dày 2.0	3C-M400x100-S2.0	m	1	1	454.986	454.986,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng cáp dày 2.0	3C-NU400-S2.0	m	1	1	310.546	310.546,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM400x100-S2.0	c	1	1	454.986	454.986,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU400-S2.0	c	1	1	310.546	310.546,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM400x100-S2.0	c	1	1	454.986	454.986,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU400-S2.0	c	1	1	310.546	310.546,00	3CElectric/2 năm

7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM400x100-S2.0	c	1	1	454.986	454.986,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU400-S2.0	c	1	1	310.546	310.546,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM400x100-S2.0	c	1	1	591.482	591.481,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU400-S2.0	c	1	1	403.710	403.709,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM400x100-S2.0	c	1	1	682.479	682.479,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU400-S2.0	c	1	1	465.819	465.819,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 400x150 sơn tĩnh điện , dày 2.0mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 400x150 dày 2.0	3C-M400x150-S2.0	m	1	1	527.206	527.206,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng rộng 400 dày 2.0	3C-NU400-S2.0	m	1	1	310.546	310.546,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM400x150-S2.0	c	1	1	527.206	527.206,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU400-S2.0	c	1	1	310.546	310.546,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM400x150-S2.0	c	1	1	527.206	527.206,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU400-S2.0	c	1	1	310.546	310.546,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM400x150-S2.0	c	1	1	527.206	527.206,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU400-S2.0	c	1	1	310.546	310.546,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM400x150-S2.0	c	1	1	685.368	685.367,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU400-S2.0	c	1	1	403.710	403.709,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM400x150-S2.0	c	1	1	790.809	790.809,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU400-S2.0	c	1	1	465.819	465.819,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 450x100 sơn tĩnh điện , dày 2.0mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 450x100 dày 2.0	3C-M450x100-S2.0	m	1	1	491.096	491.096,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 450 dày 2.0	3C-NU450-S2.0	m	1	1	346.656	346.656,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM450x100-S2.0	c	1	1	491.096	491.096,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU450-S2.0	c	1	1	346.656	346.656,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM450x100-S2.0	c	1	1	491.096	491.096,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU450-S2.0	c	1	1	346.656	346.656,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM450x100-S2.0	c	1	1	491.096	491.096,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU450-S2.0	c	1	1	346.656	346.656,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM450x100-S2.0	c	1	1	638.425	638.424,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU450-S2.0	c	1	1	450.653	450.652,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM450x100-S2.0	c	1	1	736.644	736.644,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU450-S2.0	c	1	1	519.984	519.984,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 450x150 sơn tĩnh điện , dày 2.0mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 450x150 dày 2.0	3C-M450x150-S2.0	m	1	1	563.316	563.316,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 450 dày 2.0	3C-NU450-S2.0	m	1	1	346.656	346.656,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM450x150-S2.0	c	1	1	563.316	563.316,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU450-S2.0	c	1	1	346.656	346.656,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM450x150-S2.0	c	1	1	563.316	563.316,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU450-S2.0	c	1	1	346.656	346.656,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM450x150-S2.0	c	1	1	563.316	563.316,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU450-S2.0	c	1	1	346.656	346.656,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM450x150-S2.0	c	1	1	732.311	732.310,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU450-S2.0	c	1	1	450.653	450.652,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM450x150-S2.0	c	1	1	844.974	844.974,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU450-S2.0	c	1	1	519.984	519.984,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 500x100 sơn tĩnh điện , dày 2.0mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 500x100 dày 2.0	3C-M500x100-S2.0	m	1	1	527.206	527.206,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 500 dày 2.0	3C-NU500-S2.0	m	1	1	382.766	382.766,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM500x100-S2.0	c	1	1	527.206	527.206,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU500-S2.0	c	1	1	382.766	382.766,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM500x100-S2.0	c	1	1	527.206	527.206,00	3CElectric/2 năm

6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU500-S2.0	c	1	1	382.766	382.766,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM500x100-S2.0	c	1	1	527.206	527.206,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU500-S2.0	c	1	1	382.766	382.766,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM500x100-S2.0	c	1	1	685.368	685.367,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU500-S2.0	c	1	1	497.596	497.595,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM500x100-S2.0	c	1	1	790.809	790.809,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU500-S2.0	c	1	1	574.149	574.149,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 500x150 sơn tĩnh điện , dày 2.0mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 500x150 dày 2.0	3C-M500x150-S2.0	m	1	1	599.426	599.426,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 500, dày 2.0	3C-NU500-S2.0	m	1	1	382.766	382.766,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM500x150-S2.0	c	1	1	599.426	599.426,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU500-S2.0	c	1	1	382.766	382.766,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM500x150-S2.0	c	1	1	599.426	599.426,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU500-S2.0	c	1	1	382.766	382.766,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM500x150-S2.0	c	1	1	599.426	599.426,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU500-S2.0	c	1	1	382.766	382.766,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM500x150-S2.0	c	1	1	779.254	779.253,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU500-S2.0	c	1	1	497.596	497.595,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM500x150-S2.0	c	1	1	899.139	899.139,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU500-S2.0	c	1	1	574.149	574.149,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 600x100 sơn tĩnh điện , dày 2.0mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 600x100 dày 2.0	3C-M600x100-S2.0	m	1	1	599.426	599.426,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 600 dày 2.0	3C-NU600-S2.0	m	1	1	454.986	454.986,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM600x100-S2.0	c	1	1	599.426	599.426,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU600-S2.0	c	1	1	454.986	454.986,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM600x100-S2.0	c	1	1	599.426	599.426,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU600-S2.0	c	1	1	454.986	454.986,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM600x100-S2.0	c	1	1	599.426	599.426,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU600-S2.0	c	1	1	454.986	454.986,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM600x100-S2.0	c	1	1	779.254	779.253,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU600-S2.0	c	1	1	591.482	591.481,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM600x100-S2.0	c	1	1	899.139	899.139,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X sơn tĩnh điện dày 2.0	3C-XNU600-S2.0	c	1	1	682.479	682.479,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 600x150 sơn tĩnh điện , dày 2.0mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 600x150 dày 2.0	3C-M600x150-S2.0	m	1	1	671.646	671.646,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 600 dày 2.0	3C-NU600-S2.0	m	1	1	454.986	454.986,00	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM600x150-S2.0	c	1	1	671.646	671.646,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU600-S2.0	c	1	1	454.986	454.986,00	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM600x150-S2.0	c	1	1	671.646	671.646,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU600-S2.0	c	1	1	454.986	454.986,00	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM600x150-S2.0	c	1	1	671.646	671.646,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU600-S2.0	c	1	1	454.986	454.986,00	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM600x150-S2.0	c	1	1	873.140	873.139,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU600-S2.0	c	1	1	591.482	591.481,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM600x150-S2.0	c	1	1	1.007.469	1.007.469,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X sơn tĩnh điện dày 2.0	3C-XNU600-S2.0	c	1	1	682.479	682.479,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 700x100 sơn tĩnh điện , dày 2.0mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 700x100 dày 2.0	3C-M700x100-S2.0	m	1	1	671.646	671.646,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 700 dày 2.0 (Cổ tăng cứng)	3C-NU700-S2.0	m	1	1	553.566	553.566,30	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM700x100-S2.0	c	1	1	671.646	671.646,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L dày 2.0	3C-LNU700-S2.0	c	1	1	553.566	553.566,30	3CElectric/2 năm

5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM700x100-S2.0	c	1	1	671.646	671.646,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU700-S2.0	c	1	1	553.566	553.566,30	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM700x100-S2.0	c	1	1	671.646	671.646,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU700-S2.0	c	1	1	553.566	553.566,30	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM700x100-S2.0	c	1	1	873.140	873.139,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU700-S2.0	c	1	1	719.636	719.636,19	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM700x100-S2.0	c	1	1	1.007.469	1.007.469,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU700-S2.0	c	1	1	830.349	830.349,45	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 700x150 sơn tĩnh điện , dày 2.0mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 700x150 dày 2.0	3C-M700x150-S2.0	m	1	1	743.866	743.866,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 700 dày 2.0	3C-NU700-S2.0	m	1	1	553.566	553.566,30	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM700x150-S2.0	c	1	1	743.866	743.866,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L dày 2.0	3C-LNU700-S2.0	c	1	1	553.566	553.566,30	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM700x150-S2.0	c	1	1	743.866	743.866,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU700-S2.0	c	1	1	553.566	553.566,30	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM700x150-S2.0	c	1	1	743.866	743.866,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU700-S2.0	c	1	1	553.566	553.566,30	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM700x100-S2.0	c	1	1	967.026	967.025,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU700-S2.0	c	1	1	719.636	719.636,19	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM700x150-S2.0	c	1	1	1.115.799	1.115.799,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU700-S2.0	c	1	1	830.349	830.349,45	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 800x100 sơn tĩnh điện , dày 2.0mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 800x100 dày 2.0	3C-M800x100-S2.0	m	1	1	722.200	722.200,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 800 dày 2.0 (có tăng cứng)	3C-NU800-S2.0	m	1	1	629.397	629.397,30	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM800x100-S2.0	c	1	1	722.200	722.200,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU800-S2.0	c	1	1	629.397	629.397,30	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM800x100-S2.0	c	1	1	722.200	722.200,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU800-S2.0	c	1	1	629.397	629.397,30	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM800x100-S2.0	c	1	1	722.200	722.200,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU800-S2.0	c	1	1	629.397	629.397,30	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM800x100-S2.0	c	1	1	938.860	938.860,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU800-S2.0	c	1	1	818.216	818.216,49	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM800x100-S2.0	c	1	1	1.083.300	1.083.300,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU800-S2.0	c	1	1	944.096	944.095,95	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 800x150 sơn tĩnh điện , dày 2.0mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 800x150 dày 2.0	3C-M800x150-S2.0	m	1	1	816.086	816.086,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 800 dày 2.0 (có tăng cứng)	3C-NU800-S2.0	m	1	1	633.189	633.188,85	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.0	3C-LM800x150-S2.0	c	1	1	816.086	816.086,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.0	3C-LNU800-S2.0	c	1	1	633.189	633.188,85	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.0	3C-CLM800x150-S2.0	c	1	1	816.086	816.086,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.0	3C-CLNU800-S2.0	c	1	1	633.189	633.188,85	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.0	3C-CXM800x150-S2.0	c	1	1	816.086	816.086,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.0	3C-CXNU800-S2.0	c	1	1	633.189	633.188,85	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.0	3C-TM800x150-S2.0	c	1	1	1.060.912	1.060.911,80	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.0	3C-TNU800-S2.0	c	1	1	823.146	823.145,51	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.0	3C-XM800x150-S2.0	c	1	1	1.224.129	1.224.129,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.0	3C-XNU800-S2.0	c	1	1	949.783	949.783,28	3CElectric/2 năm
V	MÁNG CÁP - SƠN TĨNH ĐIỆN, DÀY 2.5MM				1		-	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 300x75 sơn tĩnh điện , dày 2.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 300x75 dày 2.5	3C-M300x75-S2.5	m	1	1	414.480	414.480,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng dày 2.5	3C-NU300-S2.5	m	1	1	289.273	289.272,50	3CElectric/2 năm

3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM300x75-S2.5	c	1	1	414.480	414.480,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU300-S2.5	c	1	1	289.273	289.272,50	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM300x75-S2.5	c	1	1	414.480	414.480,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU300-S2.5	c	1	1	289.273	289.272,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM300x75-S2.5	c	1	1	414.480	414.480,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU300-S2.5	c	1	1	289.273	289.272,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM300x75-S2.5	c	1	1	538.824	538.824,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU300-S2.5	c	1	1	376.054	376.054,25	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM300x75-S2.5	c	1	1	621.720	621.720,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU300-S2.5	c	1	1	433.909	433.908,75	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 300x100 sơn tĩnh điện , dày 2.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 300x100 dày 2.5	3C-M300x100-S2.5	m	1	1	457.655	457.655,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 300 dày 2.5	3C-NU300-S2.5	m	1	1	289.273	289.272,50	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM300x100-S2.5	c	1	1	457.655	457.655,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU300-S2.5	c	1	1	289.273	289.272,50	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM300x100-S2.5	c	1	1	457.655	457.655,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU300-S2.5	c	1	1	289.273	289.272,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM300x100-S2.5	c	1	1	457.655	457.655,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU300-S2.5	c	1	1	289.273	289.272,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM300x100-S2.5	c	1	1	594.952	594.951,50	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU300-S2.5	c	1	1	376.054	376.054,25	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM300x100-S2.5	c	1	1	686.483	686.482,50	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU300-S2.5	c	1	1	433.909	433.908,75	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 300x150 sơn tĩnh điện , dày 2.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 300x150 dày 2.5	3C-M300x150-S2.5	m	1	1	544.005	544.005,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 300 dày 2.5	3C-NU300-S2.5	m	1	1	289.273	289.272,50	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM300x150-S2.5	c	1	1	544.005	544.005,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU300-S2.5	c	1	1	289.273	289.272,50	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM300x150-S2.5	c	1	1	544.005	544.005,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU300-S2.5	c	1	1	289.273	289.272,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM300x150-S2.5	c	1	1	544.005	544.005,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU300-S2.5	c	1	1	289.273	289.272,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM300x150-S2.5	c	1	1	707.207	707.206,50	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU300-S2.5	c	1	1	376.054	376.054,25	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM300x150-S2.5	c	1	1	816.008	816.007,50	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU300-S2.5	c	1	1	433.909	433.908,75	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 350x100 sơn tĩnh điện , dày 2.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 350x100 dày 2.5	3C-M350x100-S2.5	m	1	1	500.830	500.830,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 350 dày 2.5	3C-NU350-S2.5	m	1	1	332.448	332.447,50	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM350x100-S2.5	c	1	1	500.830	500.830,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU350-S2.5	c	1	1	332.448	332.447,50	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM350x100-S2.5	c	1	1	500.830	500.830,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU350-S2.5	c	1	1	332.448	332.447,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM350x100-S2.5	c	1	1	500.830	500.830,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU350-S2.5	c	1	1	332.448	332.447,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM350x100-S2.5	c	1	1	651.079	651.079,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU350-S2.5	c	1	1	432.182	432.181,75	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM350x100-S2.5	c	1	1	751.245	751.245,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU350-S2.5	c	1	1	498.671	498.671,25	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 350x150 sơn tĩnh điện , dày 2.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 350x150 dày 2.5	3C-M350x150-S2.5	m	1	1	587.180	587.180,00	3CElectric/2 năm

2	Nắp máng 350 dày 2.5	3C-NU350-S2.5	m	1	1	332.448	332.447,50	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM350x150-S2.5	c	1	1	587.180	587.180,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU350-S2.5	c	1	1	332.448	332.447,50	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM350x150-S2.5	c	1	1	587.180	587.180,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU350-S2.5	c	1	1	332.448	332.447,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM350x150-S2.5	c	1	1	587.180	587.180,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU350-S2.5	c	1	1	332.448	332.447,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM350x150-S2.5	c	1	1	763.334	763.334,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU350-S2.5	c	1	1	432.182	432.181,75	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM350x150-S2.5	c	1	1	880.770	880.770,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU350-S2.5	c	1	1	498.671	498.671,25	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 400x100 sơn tĩnh điện , dày 2.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 400x100 dày 2.5	3C-M400x100-S2.5	m	1	1	544.005	544.005,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 400 dày 2.5	3C-NU400-S2.5	m	1	1	375.623	375.622,50	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM400x100-S2.5	c	1	1	544.005	544.005,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU400-S2.5	c	1	1	375.623	375.622,50	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM400x100-S2.5	c	1	1	544.005	544.005,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU400-S2.5	c	1	1	375.623	375.622,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM400x100-S2.5	c	1	1	544.005	544.005,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU400-S2.5	c	1	1	375.623	375.622,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM400x100-S2.5	c	1	1	707.207	707.206,50	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU400-S2.5	c	1	1	488.309	488.309,25	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM400x100-S2.5	c	1	1	816.008	816.007,50	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU400-S2.5	c	1	1	563.434	563.433,75	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 400x150 sơn tĩnh điện , dày 2.5mm, cây 3m				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 400x150 dày 2.5	3C-M400x150-S2.5	m	1	1	630.355	630.355,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 400 dày 2.5	3C-NU400-S2.5	m	1	1	375.623	375.622,50	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM400x150-S2.5	c	1	1	630.355	630.355,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU400-S2.5	c	1	1	375.623	375.622,50	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM400x150-S2.5	c	1	1	630.355	630.355,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU400-S2.5	c	1	1	375.623	375.622,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM400x150-S2.5	c	1	1	630.355	630.355,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU400-S2.5	c	1	1	375.623	375.622,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM400x150-S2.5	c	1	1	819.462	819.461,50	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU400-S2.5	c	1	1	488.309	488.309,25	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM400x150-S2.5	c	1	1	945.533	945.532,50	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU400-S2.5	c	1	1	563.434	563.433,75	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 450x100, sơn tĩnh điện, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 450x100 dày 2.5	3C-M450x100-S2.5	m	1	1	587.180	587.180,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 450 dày 2.5	3C-NU450-S2.5	m	1	1	418.798	418.797,50	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM450x100-S2.5	c	1	1	587.180	587.180,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU450-S2.5	c	1	1	418.798	418.797,50	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM450x100-S2.5	c	1	1	587.180	587.180,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU450-S2.5	c	1	1	418.798	418.797,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM450x100-S2.5	c	1	1	587.180	587.180,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU450-S2.5	c	1	1	418.798	418.797,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM450x100-S2.5	c	1	1	763.334	763.334,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU450-S2.5	c	1	1	544.437	544.436,75	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X sơn dày 2.5	3C-XM450x100-S2.5	c	1	1	880.770	880.770,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU450-S2.5	c	1	1	628.196	628.196,25	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 450x150, sơn tĩnh điện, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/2 năm

1	Máng cáp 450x150 dày 2.5	3C-M450x150-S2.5	m	1	1	673.530	673.530,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 450 dày 2.5	3C-NU450-S2.5	m	1	1	418.798	418.797,50	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM450x100-S2.5	c	1	1	673.530	673.530,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU450-S2.5	c	1	1	418.798	418.797,50	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM450x150-S2.5	c	1	1	673.530	673.530,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU450-S2.5	c	1	1	418.798	418.797,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM450x150-S2.5	c	1	1	673.530	673.530,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU450-S2.5	c	1	1	418.798	418.797,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM450x150-S2.5	c	1	1	875.589	875.589,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU450-S2.5	c	1	1	544.437	544.436,75	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X sơn dày 2.5	3C-XM450x150-S2.5	c	1	1	1.010.295	1.010.295,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU450-S2.5	c	1	1	628.196	628.196,25	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 500x100, sơn tĩnh điện, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 500x100 dày 2.5	3C-M500x100-S2.5	m	1	1	630.355	630.355,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 500 dày 2.5	3C-NU500-S2.5	m	1	1	461.973	461.972,50	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM500x100-S2.5	c	1	1	630.355	630.355,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU500-S2.5	c	1	1	461.973	461.972,50	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM500x100-S2.5	c	1	1	630.355	630.355,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU500-S2.5	c	1	1	461.973	461.972,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM500x100-S2.5	c	1	1	630.355	630.355,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU500-S2.5	c	1	1	461.973	461.972,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM500x100-S2.5	c	1	1	882.497	882.497,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU500-S2.5	c	1	1	646.762	646.761,50	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM500x100-S2.5	c	1	1	1.008.568	1.008.568,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU500-S2.5	c	1	1	739.156	739.156,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 500x150, sơn tĩnh điện, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 500x150 dày 2.5	3C-M500x150-S2.5	m	1	1	716.705	716.705,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 500 dày 2.5	3C-NU500-S2.5	m	1	1	461.973	461.972,50	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM500x150-S2.5	c	1	1	716.705	716.705,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU500-S2.5	c	1	1	461.973	461.972,50	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM500x150-S2.5	c	1	1	716.705	716.705,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU500-S2.5	c	1	1	461.973	461.972,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM500x150-S2.5	c	1	1	716.705	716.705,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU500-S2.5	c	1	1	461.973	461.972,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM500x150-S2.5	c	1	1	1.003.387	1.003.387,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU500-S2.5	c	1	1	646.762	646.761,50	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM500x150-S2.5	c	1	1	1.146.728	1.146.728,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU500-S2.5	c	1	1	739.156	739.156,00	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 600x100, sơn tĩnh điện, dày 2.5mm				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 600x100 dày 2.5	3C-M600x100-S2.5	m	1	1	716.705	716.705,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 600 dày 2.5	3C-NU600-S2.5	m	1	1	548.323	548.322,50	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM600x100-S2.5	c	1	1	788.376	788.375,50	3CElectric/2 năm
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU600-S2.5	c	1	1	603.155	603.154,75	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM600x100-S2.5	c	1	1	716.705	716.705,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU600-S2.5	c	1	1	548.323	548.322,50	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM600x100-S2.5	c	1	1	716.705	716.705,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU600-S2.5	c	1	1	548.323	548.322,50	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM600x100-S2.5	c	1	1	1.003.387	1.003.387,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU600-S2.5	c	1	1	767.652	767.651,50	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM600x100-S2.5	c	1	1	1.218.399	1.218.398,50	3CElectric/2 năm
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU600-S2.5	c	1	1	932.148	932.148,25	3CElectric/2 năm

	Máng cáp 600x150, sơn tĩnh điện dày 2.5mm				1			-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 600x150 dày 2.5	3C-M600x150-S2.5	m	1	1	803.055	803.055,00	3CElectric/2 năm	
2	Nắp máng 600 dày 2.5	3C-NU600-S2.5	m	1	1	548.323	548.322,50	3CElectric/2 năm	
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM600x150-S2.5	c	1	1	883.361	883.360,50	3CElectric/2 năm	
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU600-S2.5	c	1	1	603.155	603.154,75	3CElectric/2 năm	
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM600x150-S2.5	c	1	1	803.055	803.055,00	3CElectric/2 năm	
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU600-S2.5	c	1	1	548.323	548.322,50	3CElectric/2 năm	
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM600x150-S2.5	c	1	1	803.055	803.055,00	3CElectric/2 năm	
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU600-S2.5	c	1	1	548.323	548.322,50	3CElectric/2 năm	
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM600x150-S2.5	c	1	1	1.124.277	1.124.277,00	3CElectric/2 năm	
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU600-S2.5	c	1	1	767.652	767.651,50	3CElectric/2 năm	
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM600x150-S2.5	c	1	1	1.365.194	1.365.193,50	3CElectric/2 năm	
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU600-S2.5	c	1	1	932.148	932.148,25	3CElectric/2 năm	
	Máng cáp 700x100, sơn tĩnh điện dày 2.5mm				1			-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 700x100 dày 2.5	3C-M700x100-S2.5	m	1	1	803.055	803.055,00	3CElectric/2 năm	
2	Nắp máng 700 dày 2.5	3C-NU700-S2.5	m	1	1	634.673	634.672,50	3CElectric/2 năm	
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM700x100-S2.5	c	1	1	963.666	963.666,00	3CElectric/2 năm	
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU700-S2.5	c	1	1	761.607	761.607,00	3CElectric/2 năm	
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM700x100-S2.5	c	1	1	803.055	803.055,00	3CElectric/2 năm	
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU700-S2.5	c	1	1	634.673	634.672,50	3CElectric/2 năm	
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM700x100-S2.5	c	1	1	803.055	803.055,00	3CElectric/2 năm	
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU700-S2.5	c	1	1	634.673	634.672,50	3CElectric/2 năm	
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM700x100-S2.5	c	1	1	1.204.583	1.204.582,50	3CElectric/2 năm	
10	Nắp Tn dày 2.5	3C-TNU700-S2.5	c	1	1	952.009	952.008,75	3CElectric/2 năm	
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM700x100-S2.5	c	1	1	1.445.499	1.445.499,00	3CElectric/2 năm	
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU700-S2.5	c	1	1	1.142.411	1.142.410,50	3CElectric/2 năm	
	Máng cáp 700x150, sơn tĩnh điện dày 2.5mm				1			-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 700x150 dày 2.5	3C-M700x150-S2.5	m	1	1	889.405	889.405,00	3CElectric/2 năm	
2	Nắp máng 700 dày 2.5	3C-NU700-S2.5	m	1	1	634.673	634.672,50	3CElectric/2 năm	
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM700x150-S2.5	c	1	1	1.067.286	1.067.286,00	3CElectric/2 năm	
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU700-S2.5	c	1	1	761.607	761.607,00	3CElectric/2 năm	
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM700x150-S2.5	c	1	1	889.405	889.405,00	3CElectric/2 năm	
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU700-S2.5	c	1	1	634.673	634.672,50	3CElectric/2 năm	
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM700x150-S2.5	c	1	1	889.405	889.405,00	3CElectric/2 năm	
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU700-S2.5	c	1	1	634.673	634.672,50	3CElectric/2 năm	
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM700x150-S2.5	c	1	1	1.334.108	1.334.107,50	3CElectric/2 năm	
10	Nắp Tn dày 2.5	3C-TNU700-S2.5	c	1	1	952.009	952.008,75	3CElectric/2 năm	
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM700x150-S2.5	c	1	1	1.600.929	1.600.929,00	3CElectric/2 năm	
12	Nắp cút nối X dày 2.5	3C-XNU700-S2.5	c	1	1	1.142.411	1.142.410,50	3CElectric/2 năm	
	Máng cáp 800x100, sơn tĩnh điện dày 2.5mm				1			-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 800x100 dày 2.5	3C-M800x100-S2.5	m	1	1	889.405	889.405,00	3CElectric/2 năm	
2	Nắp máng 800 dày 2.5 (có tăng cứng)	3C-NU800-S2.5	m	1	1	757.074	757.073,63	3CElectric/2 năm	
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM800x100-S2.5	c	1	1	1.067.286	1.067.286,00	3CElectric/2 năm	
4	Nắp cút nối L ngang dày 2.5	3C-LNU800-S2.5	c	1	1	908.488	908.488,35	3CElectric/2 năm	
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM800x100-S2.5	c	1	1	889.405	889.405,00	3CElectric/2 năm	
6	Nắp co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLNU800-S2.5	c	1	1	757.074	757.073,63	3CElectric/2 năm	
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM800x100-S2.5	c	1	1	889.405	889.405,00	3CElectric/2 năm	
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU800-S2.5	c	1	1	757.074	757.073,63	3CElectric/2 năm	
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM800x100-S2.5	c	1	1	1.423.048	1.423.048,00	3CElectric/2 năm	
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU800-S2.5	c	1	1	1.211.318	1.211.317,80	3CElectric/2 năm	
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM800x100-S2.5	c	1	1	1.778.810	1.778.810,00	3CElectric/2 năm	

12	Nắp cắt nối X dày 2.5	3C-XNU800-S2.5	c	1	1	1.514.147	1.514.147,25	3CElectric/2 năm
	Máng cáp 800x150, sơn tĩnh điện dày 2.5mm				1		-	3CElectric/2 năm
1	Máng cáp 800x150 dày 2.5	3C-M800x150-S2.5	m	1	1	975.755	975.755,00	3CElectric/2 năm
2	Nắp máng 800 dày 2.5	3C-NU800-S2.5	m	1	1	757.074	757.073,63	3CElectric/2 năm
3	Cút nối L (co ngang) dày 2.5	3C-LM800x150-S2.5	c	1	1	1.170.906	1.170.906,00	3CElectric/2 năm
4	Nắp cắt nối L ngang dày 2.5	3C-LNU800-S2.5	c	1	1	908.488	908.488,35	3CElectric/2 năm
5	Co lên máng cáp CL dày 2.5	3C-CLM800x150-S2.5	c	1	1	975.755	975.755,00	3CElectric/2 năm
6	Nắp co lên máng cáp CL dàyN dày 2.5	3C-CLNU800-S2.5	c	1	1	757.074	757.073,63	3CElectric/2 năm
7	Co xuống máng cáp CX dày 2.5	3C-CXM800x150-S2.5	c	1	1	975.755	975.755,00	3CElectric/2 năm
8	Nắp co xuống máng cáp CXN dày 2.5	3C-CXNU800-S2.5	c	1	1	757.074	757.073,63	3CElectric/2 năm
9	Cút nối T dày 2.5	3C-TM800x150-S2.5	c	1	1	1.561.208	1.561.208,00	3CElectric/2 năm
10	Nắp T dày 2.5	3C-TNU800-S2.5	c	1	1	1.211.318	1.211.317,80	3CElectric/2 năm
11	Cút nối X dày 2.5	3C-XM800x150-S2.5	c	1	1	1.951.510	1.951.510,00	3CElectric/2 năm
12	Nắp cắt nối X dày 2.5	3C-XNU800-S2.5	c	1	1	1.514.147	1.514.147,25	3CElectric/2 năm

PHỤ KIỆN THANG MÁNG CÁP

	Nối Thang Máng Cáp (NTM) làm bằng tole ZAM dày 2.0mm, 06 lỗ bắt bulong M8 cổ vuông			1			-	3CElectric/2 năm
1	Nối Thang Máng Cáp H50ZAM	3C-NTM50ZAM2.0	C	1	1	8.755	8.754,85	3CElectric/2 năm
2	Nối Thang Máng Cáp H75ZAM	3C-NTM75ZAM2.0	C	1	1	13.966	13.966,08	3CElectric/2 năm
3	Nối Thang Máng Cáp H100ZAM	3C-NTM100ZAM2.0	C	1	1	18.049	18.049,22	3CElectric/2 năm
4	Nối Thang Máng Cáp H150ZAM	3C-NTM150ZAM2.0	C	1	1	26.117	26.117,42	3CElectric/2 năm
	Nối Thang Máng Cáp (NTM) làm bằng Tole mạ hợp kim Nhôm-Kẽm (mạ lạnh) dày 2.0mm, 06 lỗ bắt bulong M8 cổ vuông			1			-	3CElectric/2 năm
1	Nối Thang Máng Cáp H50AZ	3C-NTM50AZ2.0	C	1	1	8.240	8.239,86	3CElectric/2 năm
2	Nối Thang Máng Cáp H75AZ	3C-NTM75AZ2.0	C	1	1	13.145	13.144,54	3CElectric/2 năm
3	Nối Thang Máng Cáp H100AZ	3C-NTM100AZ2.0	C	1	1	16.921	16.921,15	3CElectric/2 năm
4	Nối Thang Máng Cáp H150AZ	3C-NTM150AZ2.0	C	1	1	22.635	22.635,10	3CElectric/2 năm
	Nối Thang Máng Cáp (NTM) làm bằng thép mạ kẽm nhúng nóng , dày 2.0mm, 06 lỗ bắt bulong M8 cổ vuông			1			-	3CElectric/2 năm
1	Nối Thang Máng Cáp H50Z	3C-NTM50Z2.0	C	1	1	10.300	10.299,83	3CElectric/2 năm
2	Nối Thang Máng Cáp H75Z	3C-NTM75Z2.0	C	1	1	16.431	16.430,68	3CElectric/2 năm
3	Nối Thang Máng Cáp H100Z	3C-NTM100Z2.0	C	1	1	20.305	20.305,38	3CElectric/2 năm
4	Nối Thang Máng Cáp H150Z	3C-NTM150Z2.0	C	1	1	29.600	29.599,74	3CElectric/2 năm
	Nối Thang Máng Cáp (NTM) làm bằng tole ZAM dày 1.5mm , 06 lỗ bắt bulong M8 cổ vuông			1			-	3CElectric/2 năm
1	Nối Thang Máng Cáp H50ZAM	3C-NTM50ZAM1.5	C	1	1	6.089	6.088,60	3CElectric/2 năm
2	Nối Thang Máng Cáp H75ZAM	3C-NTM75ZAM1.5	C	1	1	9.713	9.712,77	3CElectric/2 năm
3	Nối Thang Máng Cáp H100ZAM	3C-NTM100ZAM1.5	C	1	1	12.552	12.552,41	3CElectric/2 năm
	Nối Thang Máng Cáp (NTM) làm bằng Tole mạ hợp kim Nhôm-Kẽm (mạ lạnh) dày 1.5mm , 06 lỗ bắt bulong M8 cổ vuông			1			-	3CElectric/2 năm
1	Nối Thang Máng Cáp H50AZ	3C-NTM50AZ1.5	C	1	1	6.180	6.179,90	3CElectric/2 năm
2	Nối Thang Máng Cáp H75AZ	3C-NTM75AZ1.5	C	1	1	9.858	9.858,41	3CElectric/2 năm
3	Nối Thang Máng Cáp H100AZ	3C-NTM100AZ1.5	C	1	1	12.691	12.690,86	3CElectric/2 năm
	Bulông đai ốc chuyên dùng cho lắp nối TMC			1			-	3CElectric/2 năm
1	Bộ Bulong M8x15 mũ cầu cổ vuông, mạ kẽm (gồm 1 Bulong + 01 Ecu + 01 vòng đệm)	B-CM8x15W4-Z	Bộ	1	1	1.120	1.120,00	3CElectric/2 năm
2	Bộ Bulong M8x15 mũ cầu cổ vuông, INOX201(gồm 1 Bulong + 01 Ecu + 01 vòng đệm)	B-CM8x15W4-201	Bộ	1	1	1.940	1.940,40	3CElectric/2 năm
3	Bộ Bulong M8x15 mũ cầu cổ vuông, INOX304(gồm 1 Bulong + 01 Ecu + 01 vòng đệm)	B-CM8x15W4-304	Bộ	1	1	2.426	2.425,50	3CElectric/2 năm

4	Bộ Bulong M8x15 mũ cầu cổ vuông, INOX316(gồm 1 Bulong + 01 Ecu + 01 vòng đệm)	B-CM8x15W4-316	Bộ	1	1	4.410	4.410,00	3CElectric/2 năm
	Phụ kiện thi công				1		-	3CElectric/2 năm
1	Tyren mạ kẽm M8 cây dài 2m	Tyren M8-2m	Cây	1	1	22.000	22.000,00	3CElectric/2 năm
2	Tyren mạ kẽm M10 cây dài 2m	Tyren M10-2m	Cây	1	1	42.000	42.000,00	3CElectric/2 năm
3	E-Cu lục giác M8 mạ kẽm	E-L6M8	cái	1	1	400	400,00	3CElectric/2 năm
4	E-Cu lục giác M10 mạ kẽm	E-L6M10	cái	1	1	500	500,00	3CElectric/2 năm
5	Vòng đệm M8 mạ kẽm	FW-M8	cái	1	1	200	200,00	3CElectric/2 năm
6	Vòng đệm M10 mạ kẽm	FW-M10	cái	1	1	220	220,00	3CElectric/2 năm
	Cộng							
	Thuế GTGT (8%)							
	Tổng cộng (Đã bao gồm 8% thuế VAT)							
	Ghi chú đặc biệt- Cút Z tiêu chuẩn :	Z300x100xH200 (cao độ = 2 lần chiều cao của MC), Giá bán tính = 2 lần giá Co lên, hoặc co xuống cùng chiều rộng và chiều cao						
	Ghi chú về tính chất của vật liệu :	Tole ZAM và Tole mạ hợp kim nhôm kẽm đều có tính chất chống ăn mòn (Chống gỉ) nhờ tính chất hóa học của lớp mạ có Nhôm sẽ tạo màng Oxit nhôm ngay khi bề mặt bị xước, vết cắt, vết đột lỗ...Do vậy hoàn toàn có thể sử dụng thay thế cho mạ kẽm nhúng nóng (Có thể gửi cho khách hàng tham khảo về Tole ZAM và Tole mạ hợp kim nhôm-Kẽm)						
	Ghi chú về độ bền và bảo trì sản phẩm	Khuyến cáo tuyệt vời nhất là tất cả các loại TMC đều nên sử dụng chi tiết nổi này bằng Tole ZAM và luôn dùng loại dầu 1.5 đến 2mm cho tất cả, bulong (M8x15 cổ vuông) thì luôn dùng Inox 201 như vậy không làm tăng giá thành đáng kể và đảm bảo tất cả có độ bền hơn 50 năm và có khả năng tháo ra lắp lại nhiều lần (vì sản xuất bulong nhỏ hơn M14 chỉ có thể là công nghệ mạ điện, hoặc làm bằng INOX. Mạ điện có khả năng chống gỉ rất hạn chế muốn tăng độ bền chỉ có cách bôi mỡ bảo quản thường xuyên, hoặc sơn bảo quản trực tiếp lên chỗ Bulong...với TMC điều này rất không thực tế).						

Điều kiện thương mại:

- +

Vật liệu chính : Thép tiêu chuẩn JIS-G-3131-2010, hoặc tương đương. Loại sơn 3CElectric sử dụng 100% là Sơn Jotun (Đây là loại sơn tốt nhất trên thị trường hiện tại, có độ bền cao, thân thiện với môi trường)
- +

Thời gian giao hàng : Trong vòng 05-10 ngày kể từ ngày nhận được tiền đặt cọc.
- +

Địa điểm giao hàng : Theo yêu cầu của bên mua. Chi phí vận chuyển bên mua chịu (Xem xét từng điều kiện cụ thể, tạo điều kiện phù hợp nhất cho bên mua)
- +

Thời gian bảo hành : xem cột bên phải BG
- +

Điều khoản thanh toán : Đặt cọc 30% - 40 % giá trị đơn hàng ngay sau khi ký HĐ. Giá trị còn lại thanh toán trong vòng 10-15 ngày (Trong từng trường hợp cụ thể bên Mua bảo lãnh thanh toán qua ngân hàng)
- +

Hiệu lực báo giá: 30 ngày kể từ ngày báo giá

Xin trân trọng cảm ơn và mong sớm nhận được sự hợp tác từ quý Công ty!

ĐẠI DIỆN CÔNG TY ĐIỆN - ĐIỆN TỬ 3C

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

3C-HÀ NỘI	3C-TTT: 11 Trần Thái Tông, Cầu Giấy, TP HN 3C-AK: Số 06 A16, Đô thị Geleximco, Phường Tây Mỗ, TP Hà Nội	3C-HCM	Lô số 16LK2 - KĐT Hà Đô, Phường Thới An, TP HCM	3C-ĐN	B3 khu nam cầu Cẩm Lệ, Hòa Xuân, TP Đà Nẵng	3C-NHÀ MÁY	Đội 9, Xã Tây Phương, TP Hà Nội
-----------	--	--------	---	-------	---	------------	---------------------------------